BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Triết học

Mã học phần: 0102000889

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	**Giờ trên lớp**				**Tổng thời gian học trên lớp và tự học**
L = Lý thuyết **T** = Bài tập **P** = Thực hành **O** = Thảo luận/seminar	**L** 30	**T** 0	**P** 15	**O** 0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị - khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

**** Về kiến thức***

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Triết học Mác – Lê nin theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Nắm một số phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu, học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

** Về kỹ năng*

MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Vận dụng phù hợp kiến thức nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai và biết yêu quê hương, yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0102000889	Triết học Mác - Lenin	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		2	1	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		0	0	0	0	0	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.	PO1
MT2	CO2	Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cuộc sống.	PO1
Kỹ năng			

MT3	**CO3**	Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của triết học Mác Lênin vào nghiên cứu các khoa học cụ thể.	**PO2**
MT4	**CO4**	Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	**PO2**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	**CO5**	Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.	**PO1**
MT6	**CO6**	Củng cố và phát triển các năng lực như: Tìm hiểu các vấn đề xã hội, năng lực tham gia các hoạt động xã hội.	**PO19**
MT7	**CO7**	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung của học phần bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

Xây dựng cho sinh viên phương pháp luận khoa học, tư duy khoa học, nền tảng của nhận thức về tự nhiên, xã hội và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	**CO1, CO2**
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	**CO3, CO4**
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	**CO4, CO5**
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	**CO6, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	**Chuyên cần**	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	**CO1, CO2, CO3, CO4**	10
2	**Kiểm tra thường xuyên**	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	**CO5, CO6**	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	**Bài thi dùng đề tự luận**	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	**CO6, CO7**	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	**Chương mở đầu: Nhập môn Triết học Mác- Lê nin.** 1. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin 2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	[1]	**CO2, CO3**
2 + 3	**Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng** 1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.	[1]	**CO1, CO6, CO7**
4+ 5 +6	**Chương 2: Phép biện chứng duy vật** 1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 5 Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	[1]	**CO1, CO5, CO6**
7+8 +9	**Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử** 1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 4. Hình thái KT-XH và quá trình lịch sử - tự	[1]	**CO5, CO6**

	nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội 5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân		
10	**Tổng kết HP - Kiểm tra kết thúc HP**		**CO1, CO2, CO3, CO4**

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN	**BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**
Nguyễn Chí Thắng	**Huỳnh Văn Long**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kinh tế chính trị

Mã học phần: 0102000641

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	**Giờ trên lớp**				**Tổng thời gian học trên lớp và tự học**
L = Lý thuyết	**L**	**T**	**P**	**O**	
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	30 + 30 = 60
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

** Về kiến thức*

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Kinh tế chính trị học theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

** Về kỹ năng*

MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng vào việc lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được trang bị nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0102000641	Kinh tế chính trị	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		2	1	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		0	0	0	0	0	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO):

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được các kiến thức cơ bản về hàng hóa, sản xuất hàng hóa và nội dung quy luật giá trị. Tiền tệ, nguồn gốc và bản chất của tiền.	PO1
MT2	CO2	Nắm được các kiến thức cơ bản về sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Các kiến thức cơ bản về tiền công trong chủ nghĩa tư	PO1

		bản, tích lũy tư bản, tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Các hình thái tư bản.	
Kỹ năng			
MT3	**CO3**	Biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Kinh tế chính trị vào nghiên cứu thực tiễn xã hội.	**PO2**
MT4	**CO4**	Xác lập nhận thức đúng đắn về khoa học kinh tế chính trị và các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	**PO2**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	**CO5**	Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của Kinh tế chính trị Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.	**PO1**
MT6	**CO6**	Củng cố và phát triển các năng lực như: Tìm hiểu các vấn đề xã hội; năng lực tham gia các hoạt động xã hội.	**PO19**
MT7	**CO7**	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học này nghiên cứu về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm học thuyết của Mác về giá trị và giá trị thặng dư mà còn bao gồm học thuyết kinh tế của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Nội dung các học thuyết này bao quát những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống và khoa học	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, rèn luyện bản thân.	CO5, CO6
Bài tập	Thực tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp, sinh viên đọc trước bài giảng, giáo trình, phát hiện vấn đề, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra.

Chuẩn bị nội dung tham gia thảo luận.

Nghiên cứu tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu những vấn đề mà giảng viên yêu cầu

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	**Chuyên cần**	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3	10
2	**Kiểm tra thường xuyên**	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO4, CO5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	**Bài thi dùng đề tự luận**	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, Giáo trình triết học Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1: Học thuyết giá trị: -Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa. -Hàng hóa.	[1]	**CO1**
2	Bài 1: Học thuyết giá trị (tiếp theo): -Hàng hóa (tt). -Tiền tệ	[1]	**CO1**
3	Bài 1: Học thuyết giá trị (tiếp theo): -Quy luật giá trị. - Thảo luận về Bài 1	[1]	**CO1**
4	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư: -Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản	[1]	**CO2**
5	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư (tiếp theo): -Sự sản xuất ra giá trị thặng dư. -Tiền công trong chủ nghĩa tư bản. -Tích lũy tư bản	[1]	**CO2**
6	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư (tiếp theo): -Tuần hoàn và chu chuyển tư bản -Các hình thái tư bản	[1]	**CO2, CO3**
7	Bài 3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước: -Sự xuất hiện và phát triển. -Những đặc trưng cơ bản	[1]	**CO2, CO3**
8	Bài3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (tiếp theo): Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước: Những biểu hiện mới của CNTB ngày nay.	[1]	**CO2, CO3**
9	Bài3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (tiếp theo): -Những thành tựu, giới hạn và xu hướng vận động của CNTB ngày nay. -Thảo luận toàn bài.	[1]	**CO1, CO2, CO3, CO4**
10	Tổng kết môn học		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN	BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
Nguyễn Chí Thắng	Huỳnh Văn Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: 0102000890

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	**L**	**T**	**P**	**O**	
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học; Kinh tế chính trị.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

**** Về kiến thức***

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

** Về kỹ năng*

MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được trang bị nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0680002010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		2	1	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		0	0	0	0	0	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.	PO1
MT2	CO2	Vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	PO1

Kỹ năng			
MT3	**CO3**	+ Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị – xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. + Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh từ thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	**PO2**
MT4	**CO4**	Biết vận dụng quan điểm khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin để nhận diện được âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực phản động, thù địch.	**PO2**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	**CO5**	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng; có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	**PO1**
MT6	**CO6**	Có ý thức chống lại biểu hiện thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch và những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	**PO19**
MT7	**CO7**	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khoa học chủ nghĩa xã hội, nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa xã hội, về nội dung, đặc điểm tư tưởng xã hội chủ nghĩa qua từng giai đoạn phát triển và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

7. **Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học**

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống, khoa học	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Bài tập: chuẩn bị bài tập, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	**Chuyên cần**	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3	10
2	**Kiểm tra thường xuyên**	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO4, CO5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	**Bài thi dùng đề tự luận**	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, Giáo trình triết học Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. -Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy -Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung. -Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.	[1]	CO1
2	Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa -Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy -Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung. -Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.	[1]	CO2, CO3
3	Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa (tiếp theo)	[1]	CO3, CO5, CO7
4	Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng -Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy -Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung. - Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.	[1]	CO3, CO4, CO6

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
5	-SV thực hiện các bài báo cáo nhóm theo chủ đề đã được bốc thăm ở buổi học trước.Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy -Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung. -Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.		CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn và máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN

Nguyễn Chí Thắng

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Huỳnh Văn Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: 0102000900

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	**Giờ trên lớp**				**Tổng thời gian học trên lớp và tự học**
L = Lý thuyết	**L**	**T**	**P**	**O**	
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	30 + 30 = 60
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

**** Về kiến thức***

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào trong nghiên cứu và học tập các khoa học về chính trị, xã hội và nhân văn.

** Về kỹ năng*

MT3: Vận dụng các kiến thức bộ môn vào học tập các học phần về xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào Đảng và chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, bồi dưỡng tình cảm cách mạng và niềm tin vào việc lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội.

**** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được tiếp thu để giáo dục sinh viên về lý tưởng của Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và có đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0102000900	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		2	1	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		0	0	0	0	0	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: Cơ sở và quá trình hình thành TTHCM. Nội dung cốt lõi của TTHCM.	PO1
MT2	CO2	Những nội dung cơ bản của TTHCM: Về độc lập dân tộc, về xây dựng CNXH, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết, về đạo đức, về các giá trị văn hóa Việt Nam.	PO1
Kỹ năng			
MT3	CO3	Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị – xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PO2

MT4	**CO4**	Biết vận dụng quan điểm khoa học của HCM để nhận diện được các vấn đề phức tạp của xã hội.	**PO2**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	**CO5**	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng, có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	**PO1**
MT6	**CO6**	Có ý thức chống lại biểu hiện thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch cũng như những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	**PO19**
MT7	**CO7**	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học có 08 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Những cơ sở của đường lối xây dựng đất nước ở Việt Nam;

- Vận dụng kiến thức vào việc lý giải và có thái độ đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống, có tính khoa học và hấp dẫn	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	**Chuyên cần**	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3	2
2	**Kiểm tra thường xuyên**	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO4, CO5	3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	**Bài thi dùng đề tự luận**	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO5, CO6, CO7	5

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đặng Xuân Kỳ, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2011.

[2]. Huỳnh Văn Long - Khoa Năng Lập, *Bài giảng môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Bộ môn Lý luận Chính trị, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Phạm Ngọc Anh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	**Bài mở đầu:** Giới thiệu môn học và kế hoạch học tập - Nắm được yêu cầu môn học. Chỉ dẫn về cách tìm tài liệu học tập - Nắm được cách thức đánh giá môn học (đề cao việc đến lớp học).	[1]	**CO2, CO3**
2 + 3	**Bài 1:** Cơ sở, quá trình hình thành và sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. - Nắm được 2 cơ sở hình thành TTHCM, nhấn mạnh cơ sở chủ quan. - Lý giải các chặng đường hình thành và phát triển TTHCM, đặc biệt làm sáng tỏ những phẩm chất cao quý của HCM.	[1]	**CO1, CO6, CO7**
4	**Bài 2:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc -Tính khoa học và cách mạng sâu sắc của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc. -Những điểm chính của tư tưởng HCM về cách mạng giải phóng dân tộc.	[1]	**CO1, CO5, CO6**
5	**Bài 3:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Quan điểm có tính khoa học, cách mạng và nhân văn của HCM về CNXH. -Con đường, biện pháp tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	[1]	**CO5, CO6**
6	**Bài 4:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam. - Quan niệm của HCM về vai trò và bản chất của ĐCS Việt Nam. -Nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐCS Việt Nam trong sạch, vững mạnh.	[1]	**CO1, CO6, CO7**
7	**Bài 5:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. - Vấn đề đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng và hoạt động thực tiễn của HCM. -Tư tưởng HCM về đoàn kết quốc tế (thành quả và	[1]	**CO5, CO6, CO7**

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	hạn chế).		
8	**Bài 6:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. - Xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân. -Xây dựng nhà nước có tính nhân dân, tính dân tộc. -Xây dựng nhà nước có pháp lý, trong sạch, hiệu quả	[1]	**CO1, CO2, CO7**
9	**Bài 7:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. - Tư tưởng HCM về nền văn hóa mới (5 điểm) ở VN. -Về sức mạnh và chuẩn mực đạo đức cách mạng. -Về con người mới và chiến lược "trồng người".	[1]	**CO2, CO3, CO4**
10	**Bài 8:** Tổng kết môn học -Những trọng điểm của các bài. - Hướng dẫn ôn thi và cách làm bài thi tốt. - Công bố các loại điểm: chuyên cần và thường xuyên.		**CO1, CO2, CO3, CO4**

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN **BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

Nguyễn Chí Thắng **Huỳnh Văn Long**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: 0102000869

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	**Giờ trên lớp**				**Tổng thời gian học trên lớp và tự học**
L = Lý thuyết **T** = Bài tập **P** = Thực hành **O** = Thảo luận/seminar	**L** 20	**T** 0	**P** 0	**O** 10	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

**** Về kiến thức***

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam theo quan điểm của Đảng ta.

MT2: Nắm phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

** Về kỹ năng*

MT3: Ứng dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Vận dụng phù hợp kiến thức được trang bị để giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai và biết yêu quê hương, yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
6980020010	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		2	1	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**PO19**	
		0	0	0	0	0	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; đường lối của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc.	PO1
MT2	CO2	Nắm các nội dung chính về đường lối của Đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa, xây dựng kinh tế, xây dựng hệ thống chính trị, gìn giữ và phát huy các	PO1

		giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	
Kỹ năng			
MT3	CO3	Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị – xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh từ thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PO2
MT4	CO4	Biết vận dụng quan điểm khoa học của Đảng để nhận diện được âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực phản động, thù địch.	PO2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng, có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	PO1
MT6	CO6	Có ý thức chống lại biểu hiện thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch và những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	PO19
MT7	CO7	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, giúp sinh viên phân tích được những vấn đề cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua Cương lĩnh, Nghị quyết của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống và khoa học.	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	**Chuyên cần**	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3, CO4	2
2	**Kiểm tra thường xuyên**	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%). + Hình thức kiểm tra: Tự luận.	CO1, CO2	3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	**Bài thi dùng đề tự luận**	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%). + Hình thức thi: Tự luận.	CO1, CO2, CO3, CO4	5

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang (Chủ biên); Nguyễn Viết Thông,..., *Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam : Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. 2017

[2]. Tập bài giảng Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam của Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Vũ Dương Ninh, *Cách mạng Việt Nam trên bàn cờ quốc tế lịch sử và vấn đề*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017

11. Nội dung chi tiết của học phần:

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	**Chương mở đầu:** Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	[1], [2]	CO2, CO3
1+2	**Chương 1:** Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng - Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO6, CO7
3+4	**Chương 2:** Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) - Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939. - Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến 1945 - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO5, CO6
5+6	**Chương 3:** Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975). - Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) - ĐườnglốikhángchiếnchốngMỹcứunước, thốngnhấtTổquốc(1954-1975) - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO5, CO6
7+8	**Chương 4:** Đường lối công nghiệp hóa -Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO6, CO7
8+9	**Chương 5:** Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường - Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO5, CO6, CO7
10+11	**Chương 6:** Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị	[1], [2]	CO1, CO2,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	- Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị trước đổi mới (1945-1985) - Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp		**CO7**
11+12	**Chương 7:** Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội - Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển văn hóa Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	**CO2, CO3, CO4**
13+14	**Chương 8:** Đường lối đối ngoại - Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 - Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	**CO1, CO2, CO3, CO4**
15	**Tổng kết môn học** Giải đáp các thắc mắc về chương trình Công bố điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên		**CO1, CO2, CO3, CO4, CO7**

12. **Cơ sở và thiết bị**

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN | **BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

Nguyễn Chí Thắng | **Huỳnh Văn Long**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Nghề luật và phương pháp học luật

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 0101001279

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 15	T 5	P 0	O 10	30+60=90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1. Hiểu và trình bày được các yếu tố tác động của môi trường học tập đến hiệu quả học tập; nhận thức được một cách tổng quát về quá trình học tập ở bậc đại học;

M2. Hiểu và trình bày được những phương pháp học tập đại học nói chung và phương pháp học tập đại học ngành luật;

M3. Nêu và giải thích được những đặc trưng của nghề luật; những vinh quang và thách thức trong nghề luật;

M5. Hiểu được những kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp của các chức danh tư pháp

M6. Xác định các phương pháp học luật một cách hiệu quả.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M8. Xác định được mục tiêu, xây dựng được môi trường học tập phù hợp cho mình

M9. Hình thành kỹ năng thu thập, lưu giữ, xử lí tài liệu học đại học ngành luật, những kĩ năng cơ bản của làm việc nhóm để thực hiện trọn vẹn một bài tập nhóm được giao

M10. Biết cách xác định đề tài, xây dựng đề cương chi tiết và kế hoạch thực hiện bài luận.

M11. Lập và triển khai kế hoạch ôn tập; giải toả căng thẳng, lo âu trong kì thi

- Kỹ năng mềm

M11. Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M12. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M13. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M14. Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M15. Nâng cao tinh thần và thái độ tích cực trong việc tuân thủ chuẩn nghề nghiệp trong thực tiễn đối với từng chức danh tư pháp: Luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên….;

M16. Có định hướng rõ ràng trong nghề nghiệp; trong mối quan hệ với vấn đề đạo đức nghề luật và phương pháp học đại học ngành luật

3.4. Về thái độ

M17. Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**									
	Nghề luật và	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	0	3	0	0	2	2	0	2	0

	Phương pháp học luật	**PO11**	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**PO19**
		2	2	0	0	2	2	2	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	**CĐR của HP**	**Nội dung CĐR của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức			
MT1 **MT2** **MT3** **MT4** **MT5** **MT6** **MT7**	**CO1**	- Hiểu được vị trí, vai trò của nghề luật và cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp ngành Luật trong bối cảnh đất nước đang phát triển và hội nhập. - Hiểu và trình bày được các yếu tố tác động của môi trường học tập đến hiệu quả học tập; nhận thức được một cách tổng quát về quá trình học tập ở bậc đại học. - Hiểu và trình bày được những phương pháp học tập đại học nói chung và phương pháp học tập đại học ngành luật	**PO2, PO3**
Kỹ năng			
MT8	**CO2**	Xác định được mục tiêu, xây dựng được môi trường học tập phù hợp cho mình Hình thành kỹ năng thu thập, lưu giữ, xử lý tài liệu học đại học ngành luật, những kỹ năng cơ bản của làm việc nhóm để thực hiện trọn vẹn một bài tập nhóm được giao.	**PO4**
MT9	**CO3**	Biết cách xác định chủ đề và nội dung trọng tâm của vấn đề quan tâm; xây dựng đề cương chi tiết và kế hoạch thực hiện bài luận	**PO5**
MT10	**CO4**	Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp quốc tế; khả năng lập luận, tranh luận bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.	**PO6, PO7**
MT11 **MT12**	**CO5**	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng	**PO9, PO10**

		giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT13 **MT14** **MT15** **MT16**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	**PO13, PO14, PO15, PO16**
MT17	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	**PO17, PO18,PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Nghề luật và Phương pháp học luật được giảng dạy trong năm học đầu tiên nhằm giới thiệu cho sinh viên đại học hệ chính quy về tổng quan phương pháp học tập ở trường đại học, đặc biệt là phương pháp học tập theo hệ thống tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên một số phoợng pháp cần thiết cho việc học tập đạt hiệu quả (phương pháp tìm kiếm thông tin, phương pháp làm việc nhóm, phương pháp viết bài luận, ..) giúp cho sinh viên tự tin, hứng thú học tập và đạt kết quả cao trong học tập.

Bên cạnh các phương pháp học tập, sinh viên cũng được cung cấp các thông tin tổng quan về nghề luật, về các vị trí việc làm, các chức danh tư pháp mà người học sau khi tốt nghiệp ngành luật có thể đảm nhận

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	**Mục đích**	**CĐR của HP đạt được**
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**

Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra theo hình thức tiểu luận	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Hữu Phước, Hướng dẫn khởi nghiệp với nghề luật sư, NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, năm 2016

2. Lê Thị Hồng Vân (chủ biên), Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận, NXB Hồng Đức năm 2020.

3. Phan Trung Hiền, Để hoàn thành tốt luận văn ngành luật : Dùng cho sinh viên,

học viên cao học và nghiên cứu sinh, NXB Chính trị quốc gia sự thật, năm 2022

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Cao Đàm (2021), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb Giáo dục Việt Nam

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-6	CHƯƠNG 1 **1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC** **1.1. Khái quát chung về phương pháp học tập** *1.1.1. Ý nghĩa của việc nắm vững phương pháp học tập* *1.1.2. Giới thiệu học phần "Nghề luật và phương pháp học đại học ngành luật"* **1.2. Môi trường đại học – sự thay đổi** *1.2.1. Những thay đổi trong môi trường đại học* *1.2.2.1. Môi trường bên trong* *1.2.2.2. Môi trường bên ngoài* *1.2.2. Tầm quan trọng của việc học đại học* *1.2.3. Một số kinh nghiệm học tập bậc đại học*	1,2,3	CO1,CO7
Tiết 7-12	**1.3. Đặc thù của giáo dục đại học** *1.3.1. So sánh giữa học đại*	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	học với học phổ thông *1.3.2. Việc học của sinh viên đại học* *1.3.3. Vai trò của giảng viên đại học* *1.3.4. Phương thức tiếp thu kiến thức và các bậc nhận thức trình độ đại học*		
Tiết 13-16	**Chương 2 MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP HỌC ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT** **2.1. Một số phương pháp học đại học** *2.2.1. Phương pháp học tập cá nhân* *2.2.1.1. Nghe giảng* *2.2.1.2. Ghi chép* *2.2.1.3. Đọc tài liệu* *2.2.1.4. Làm bài tập, thực hành* *2.2.1.5. Một số phương pháp khác*	1,2,3,6	CO1,CO3,CO4 CO5,CO7
Tiết 17-21	*2.2.2. Phương pháp làm việc nhóm* 2.2.2.1. Tầm quan trọng của làm việc nhóm 2.2.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc nhóm + Mục tiêu của nhóm + Quy mô của nhóm + Giao tiếp trong nhóm làm việc + Sự tương đồng và khác biệt của thành viên nhóm + Quản lí điều hành của lãnh đạo nhóm + Các yếu tố khác 2.2.2.3. Quy trình làm việc nhóm a. Lập nhóm b. Lập kế hoạch làm việc nhóm	1,2,3,5	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	c. Thực hiện kế hoạch làm việc nhóm d. Đánh giá kết quả làm việc nhóm		
Tiết 22-24	**2.2. Một số phương pháp học đại học ngành luật** *2.2.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản luật* *2.2.2. Phương pháp nghiên cứu tình huống.* *2.2.3. Phương pháp tư duy và phản biện vấn đề*	4	CO6,CO7
Tiết 25-27	**Chương 3. NGHỀ LUẬT VÀ MỘT SỐ CHỨC DANH TƯ PHÁP** **3.1. Nghề luật và những đặc trưng của nghề luật** *3.1.1. Thế nào là nghề luật?* *3.1.2. Đặc trưng cơ bản của nghề luật* *3.1.3. Nghề luật - vinh quang và thách thức* **3.2. Vị trí việc làm của sinh viên ngành luật** *3.3. Đặc điểm nghề nghiệp của một số chức danh tư pháp* *3.3.1. Đặc điểm nghề nghiệp luật sư* *3.3.1.1. Kiến thức nghề* *3.3.1.2. Kỹ năng nghề* *3.3.1.3. Đạo đức nghề* *3.3.2. Đặc điểm nghề nghiệp thẩm phán* *3.3.2.1.Kiến thức nghề* *3.3.2.2. Kỹ năng nghề* *3.3.2.3. Đạo đức nghề*	1,2,6	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 28-30	*3.3.3. Đặc điểm nghề nghiệp công chứng viên* *3.3.3.1. Kiến thức nghề* *3.3.3.2. Kỹ năng nghề* *3.3.3.3. Đạo đức nghề*	6	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ
ThS. Nguyễn Chí Dũng	ThS. Thân Thị Kim Nga

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Quản trị học

Mã môn học:

Hệ đào tạo: Đại học chính qui **Ngành đào tạo**: Luật kinh tế

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 02 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = giờ giảng lý thuyết T = bài tập P = thực hành D = thảo luận/seminar	L 20	T 10	P 0	D	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không **Học phần học trước: Không**

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ **Tiếng Anh:** ☐

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thuộc Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu được một số khái niệm cơ bản: tổ chức, quản trị, nhà quản trị, cấp bậc quản trị và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức.

MT2: Hiểu được các chức năng quản trị trong tổ chức.

MT3: Nắm được các kỹ năng cần thiết đối với nhà quản trị và những vai trò cơ bản của nhà quản trị trong một tổ chức.

MT4: Phân tích được ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức.

*** Về kỹ năng**

MT5: Tự phân tích được các tình huống quản trị và ra quyết định để giải quyết tình huống.

MT6: Phát triển được các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7 : Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, làm việc với người khác, kỹ năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.

MT8: Trung thực, tin cậy, trách nhiệm, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
	Quản trị học	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	3	0	0	0	0	1	1	1	1
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		1	2	0	0	1	1	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được một số khái niệm cơ bản: tổ chức, quản trị, nhà quản trị, cấp bậc quản trị và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức.	PO2
MT1	CO2	Hiểu được quá trình quản trị thông qua các chức năng quản trị.	PO2
MT1 MT2	CO3	Biết đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.	PO2
MT4 MT5	CO4	Phân tích được ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức.	PO2
Kỹ năng			
MT5 MT6	CO5	Nắm được các kỹ năng cần thiết đối với nhà quản trị và những vai trò cơ bản của nhà quản trị trong một tổ chức	PO2, PO9, PO10, PO11, PO18, PO19
Mt7 MT8	CO6	Phát triển được các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc, tự nghiên cứu, giao tiếp và làm việc nhóm	PO2, PO9, PO11, PO18, PO19
MT2 MT5	CO7	Áp dụng phương pháp dùng trong tuyển dụng, tổ chức, quyết định quản trị, lãnh đạo và đánh giá nhân viên.	PO2, PO9, PO12, PO18, PO19
MT6 MT7	CO8	Có kỹ năng làm việc nhóm, động viên nhân viên, và giải quyết mâu thuẫn, truyền thông áp dụng trong quản trị hiệu quả.	PO9, PO10, PO11, PO12, PO18, PO19
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6 MT7 MT8	CO9	Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, làm việc với người khác, kỹ năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.	PO16, PO17, PO18, PO19

MT7 MT8	CO10	Có suy nghĩ hiệu quả trong phân tích các vấn đề của một tổ chức, doanh nghiệp.	PO16, PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Quản trị học trang bị cho người học hiểu biết và những kiến thức cơ bản về quản trị, các khái niệm về quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Môn học cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho người học về quá trình thông đạt và quản trị, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế kinh doanh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5

			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng bài trình bày kết quả làm việc nhóm. Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Bài thi tự luận. Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP.	50	Thi tự luận. Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thị Liên Diệp (2010). Quản trị học = Management. NXB Lao Động – Xã Hội. 2010

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dũng, Lê Quang Khôi. 2011. Quản trị học: Bài tập và nghiên cứu tình huống. NXB Lao Động. **[658.4.076 D107]**

[3] Đào Duy Huân. 1997. Quản trị học. NXB Thống kê. **[658.001 H502]**

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	1. Những vấn đề chung về quản trị tổ chức		
1	- Sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức - Khái niệm về quản trị - Các chức năng cơ bản của quản trị - Sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức - Nhà quản trị . Nhà quản trị và cấp bậc quản trị . Các vai trò của nhà quản trị . Các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị - Khoa học và nghệ thuật quản trị	[1] Chương 1. Những vấn đề chung về quản trị tổ chức.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	2. Sự phát triển của các tư tưởng quản trị		
2	- Bối cảnh lịch sử ra đời và phát triển các tư tưởng quản trị - Trường phái quản trị cổ điển - Trường phái tâm lý-xã hội trong quản trị - Trường phái định lượng trong quản trị - Các khảo hướng trong quản trị . Khảo hướng quá trình . Khảo hướng hệ thống . Khảo hướng ngẫu nhiên - Một số mô hình của quản trị hiện đại	[1] Chương 2.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Thảo luận nhóm.		

	3. Môi trường hoạt động của tổ chức		
3-4	- Khái niệm và phân loại môi trường . Khái niệm môi trường . Phân loại môi trường . Ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức - Các loại môi trường . Môi trường vĩ mô . Môi trường vi mô . Môi trường nội bộ - Kỹ thuật phân tích SWOT	[1] Chương 3.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Thảo luận nhóm	Có hướng dẫn và tham gia của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	4. Quyết định quản trị		
5	- Khái niệm và phân loại quyết định quản trị . Khái niệm . Phân loại . Chức năng và yêu cầu đối với QĐQT - Quá trình ra QĐQT . Các bước của quá trình ra QĐQT . Các mô hình và công cụ hỗ trợ QĐQT - Quá trình tổ chức thực hiện quyết định - Nâng cao hiệu quả của quá trình ra QĐQT	[1] Chương 4.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	5. Chức năng hoạch định		
6	- Khái niệm và vai trò của hoạch định . Khái niệm hoạch định . Vai trò của hoạch định . Các loại hoạch định - Quá trình hoạch định - Mục tiêu, nền tảng của hoạch định - Hoạch định tác nghiệp	[1] Chương 5.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	6. Chức năng tổ chức		
7	- Khái niệm, vai trò của chức năng tổ chức - Xây dựng cơ cấu tổ chức . Yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế CCTC . Các nguyên tắc xây dựng CCTC . Các quan điểm thiết kế CCTC . Các yêu cầu khi thiết kế CCTC . Các giai đoạn hình thành CCTC . Các mô hình CCTC - Phân quyền và uỷ quyền trong QT	[1] Chương 6. [2] Chương 6.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	7. Chức năng điều khiển		
8-9	- Khái niệm, vai trò của chức năng điều khiển. Các khái niệm lãnh đạo và		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,

	PCLĐ . Phân loại PCLĐ . Lựa chọn PCLĐ - Động viên . Khái niệm động viên . Các lý thuyết về động viên . Ứng dụng thuyết động viên trong QT - Thông tin . Vai trò của thông tin . Nâng cao hiệu quả của thông tin - Quản trị xung đột	[1] Chương 7.	CO7, CO8, CO9
	8. Chức năng kiểm tra		
10	- Khái niệm và nguyên tắc xây dựng cơ chế kiểm tra - Các bước của tiến trình kiểm tra - Các loại hình kiểm tra - Các công cụ kiểm tra	[1] Chương 8	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. **TRƯỞNG KHOA**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Trung Chuyển

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Thanh Thuý

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn căn bản 1

Mã học phần: 0101000861

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 30	T 15	P 0	O 0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☐ Tiếng Anh: ☑

Đơn vị phụ trách: Trung tâm đào tạo chuẩn đầu ra và phát triển nguồn nhân lực

2. Giảng viên phụ trách môn học

Các giảng viên Bộ môn Anh văn – Trung tâm Đào tạo Chuẩn đầu ra và Phát triển nguồn nhân lực.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

***Về kiến thức**

MT1: Biết được vốn từ vựng căn bản để nói về các vấn đề liên quan đến bản thân như tự giới thiệu, công việc, gia đình, hoạt động hằng ngày. Đồng thời, sinh viên có thể học được các cấu trúc ngữ pháp căn bản trong quá trình viết đoạn văn ngắn.

MT2: Phân biệt được sự khác biệt của ngữ điệu trong văn nói.

***Về kỹ năng**

MT3: Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu bằng tiếng Anh đối với các tài liệu phổ biến như sách, báo; rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin hơn bằng tiếng Anh trong những tình huống thông thường, bao gồm kỹ năng giao tiếp trước đám đông, kỹ năng làm việc đội, nhóm.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT4: Xây dựng cho sinh viên thái độ ham học hỏi, khả năng phản biện và thói quen sử dụng tiếng Anh trong giờ học, khi giao tiếp với bạn bè và ngoài lớp học.

MT5: Nhận thức tầm quan trọng của việc học tiếng Anh trong thời kỳ hội nhập

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP		Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000861	Anh văn căn bản 1	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	0	0	0	3	0	0	0	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	P019	
		0	0	3	0	0	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT2	CO1	Hiểu rõ các vấn đề về chữ viết và ngữ âm cơ bản như: hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, kí hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, phát âm cuối.	PO3
MT1, MT2	CO2	Vận dụng được vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề gần gũi quen thuộc như: bản thân, gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, nơi ở, đất nước, quốc tịch, các hoạt động thường ngày, hoạt động giải trí, cảm xúc, ngôn ngữ sử dụng trong lớp học, etc.	PO3
MT1, MT2	CO3	Nắm vững các điểm ngữ pháp cơ bản như: thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai đơn; danh từ số ít, số nhiều; dạng sở hữu cách; các dạng tính từ và trạng từ; câu cầu khiến và một số cấu trúc câu thông dụng …Có khả năng đọc hiểu các đoạn văn ngắn, mẩu tin ngắn.	PO3
Kỹ năng			
MT3	CO4	Rèn luyện khả năng giao tiếp tự tin hơn bằng tiếng Anh trong những tình huống thông thường và rèn	PO12

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
		luyện kỹ năng đọc hiểu các tài liệu thông thường bằng tiếng Anh. Sinh viên tập nói tiếng Anh trước đám đông và phát triển kỹ năng làm việc theo đội, nhóm.	
MT1, MT2	**CO5**	Hình thành các kĩ năng nghe - nói bằng tiếng Anh cơ bản với bạn học thông qua các hoạt động thực hành các tình huống đơn giản và quen thuộc.	**PO3**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	**CO6**	- Xây dựng cho sinh viên thái độ ham học hỏi, khả năng phản biện và thói quen sử dụng tiếng Anh trong giờ học, khi giao tiếp với bạn bè và ngoài lớp học.	**PO16**
MT5	**CO7**	- Nhận thức tầm quan trọng của việc học tiếng Anh trong thời kỳ hội nhập.	**PO17**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 1 (AVCB1) là học phần đầu tiên trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File (second edition) của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 01 và kết thúc là Unit 06, trong đó bao gồm 4 đơn vị bài học chính trên lớp và 2 đơn vị bài học tự học (6 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất. Nội dung của học phần tập trung vào các chủ điểm: thông tin cá nhân, quốc tịch, các hoạt động hằng ngày, gia đình, công việc, ngày tháng, các mùa trong năm, cảm xúc, ngôn ngữ sử dụng trong lớp học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**

Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO2, CO3**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	**CO3, CO4, CO6, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo cặp nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Bài tập: làm bài tập trên lớp và hoàn thành phần bài giảng viên giao về nhà
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

- Thang điểm đánh giá

- Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

- Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
	10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Kiểm tra giữa kỳ (Nghe và Nói)	30	- Chất lượng bài làm (Nghe) và trình bày (Nói)	C01, CO2, CO3	10

Thi kết thúc học phần - Trắc nghiệm: Từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng Đọc hiểu - Tự luận: Kỹ năng Viết	50	- Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

- Tài liệu học tập

[1] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., & Seligson, P. (2013). *American English File 1 (2nd Ed.)*. Oxford publishing.

- Tài liệu tham khảo

[1] Liz, & Soars, J. (2009). *American Headway 1 (2nd Ed.)*. Oxford publishing.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	Unit 1A: My name's Hannah, not Anna		
1	+Grammar: To Be (+), Subject pronouns +Vocabulary: days of the week, numbers 0-20, greetings, the alphabet	+Grammar (p. 5) +Vocabulary (ps. 5 & 148)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+Workbook	+Workbook (ps 4 & 5)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 1B: All over the world		
2	+Grammar: To Be (?) and (-) +Vocabulary: countries in the world, numbers 21-100	+Grammar (p. 7) +Vocabulary (ps. 6 & 149)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+Workbook:	+Workbook (ps. 6 & 7)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 1C: Open your books, please!		
3	+Grammar: Possessive adjectives +Vocabulary: classroom language	+Grammar (p. 9) +Vocabulary (ps. 8 & 150)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+Workbook: ***Speaking: UNIT 1 questions**	+Workbook (ps. 8 & 9) +Speaking practice	CO1, CO2, CO3, CO4,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	review	(supplement)	CO5, CO7
	Unit 2A: A writer's room		
4	+Grammar: The articles **a/an**; Plurals: **this/that/these/those** +Vocabulary: Things	+Grammar (p. 13) +Vocabulary (ps.12 & 151)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+Workbook:	+Workbook (ps. 11 & 12)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 2B: Stars and Stripes		
5	+Grammar: Adjectives +Vocabulary: colors, adjectives, modifiers; very/really +Reading: Hollywood Stars	+Grammar (p. 14) +Vocabulary (ps. 14 & 152) +Reading (p. 15)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+Workbook:	+Workbook (ps. 13 & 14)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 2C: After 300 feet, turn right		
6	+Grammar: **The imperatives; Let's** +Vocabulary: feelings	+Grammar (p. 17) +Vocabulary (p. 16)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+Workbook: +Review and Check 1 & 2 ***Speaking: UNIT 2 questions review***	+Workbook (ps. 15 & 16) +Review and check 1 & 2 (ps. 18 & 19) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
	Extra-lesson		
7	+Grammar: -Objective pronouns -Like + V-ing +Listening Practice 1 +Writing Practice 1: **Order the words to make complete sentences.**	+Grammar (p. 134) +Listening practice 1 (supplement) +Writing practice 1 (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
	Unit 3A: Things I love about the US		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
8	+Grammar: **The simple present (+) and (-)** +Vocabulary: verb phrases +Reading: STATE PARKS. freeways and other things I love about the US.	+Grammar (p. 20) +Vocabulary (ps. 20 & 153) +Reading (p. 21)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+Workbook:	+Workbook (ps. 17 &18)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 3B: Work and Play		
9	+ Grammar: **The simple present (?)** +Vocabulary: Jobs +Listening: His job; her job +Reading: Uniform – FOR or AGAINST	+Grammar (p. 22) +Vocabulary (ps. 22 & 154) +Listening (p. 22) +Reading (p. 23)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+Workbook:	+Workbook (ps. 19 & 20)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 3C: Meeting online!		
10	+Grammar: **Word order in questions** +Vocabulary: question words +Listening: Meeting online	+Grammar (p. 25) +Vocabulary (p. 25) +Listening (p. 24)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
	+Workbook: **page 21 + 22** ***Speaking practice: Unit 3-question review**	+Workbook (ps. 21 & 22) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
	MID –TERM TEST		CO1, CO2, CO3, CO4, CO7
11	**MID –TERM TEST** Writing Practice 2: **5 Writing Topics Review.**	-Writing practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 4A: Is she his wife or his sister?		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
12	+Grammar: **Whose…? possessive 's** + Vocabulary: Family + Listening and Speaking:	+Grammar (p. 28) +Vocabulary (ps.28 & 155) +Listening and Speaking (p.29)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	- Workbook:	+Workbook (ps. 24 & 25)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 4B: What a life!		
13	+Grammar: **prep of time (at, in, on) and place (at, in, to)** +Vocabulary: Everyday activities +Reading & Listening: Father & Daughter – whose day is more stressful +Speaking & Writing: Interview your partner about typical weekday.	+ Grammar (p. 31) + Vocabulary (ps. 30 & 156) + Reading & Listening (p. 30) + Speaking & Writing (p. 31)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	+Workbook	+ Workbook (ps. 26 & 27)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 4C: Short life, long life?		
14	+Grammar: **position of adverbs and expressions of frequency** +Vocabulary: Adverbs of frequency +Reading & Speaking: The Secrets of a long life.	+Grammar (p. 32) +Vocabulary (p. 32) +Reading & Speaking (p. 33)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	+Workbook: ****Speaking practice: UNIT 4 questions review***	+Workbook (ps. 28 & 29) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
	Review for the final exam		
15	+Grammar: -Present Continuous -Can/ Can't +Listening Practice 2 +Speaking Practice +Review for the final exam	+Grammar (p. 132) +Listening practice 2 (supplement) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh.
- Trang thiết bị, dụng cụ giảng dạy.
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

KHOA NGOẠI NGỮ	P. TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Trần Thị Thùy	Lương Trọng Linh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn căn bản 2

Mã học phần: **0101000862**

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	**Giờ trên lớp**				**Tổng thời gian học trên lớp và tự học**
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	30	15	0	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Anh văn căn bản 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☐ Tiếng Anh: ☑

Đơn vị phụ trách: Trung tâm đào tạo chuẩn đầu ra và phát triển nguồn nhân lực

2. Giảng viên phụ trách môn học

Các giảng viên Bộ môn Anh văn – Trung tâm Đào tạo Chuẩn đầu ra và Phát triển nguồn nhân lực

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu M)

***Về kiến thức**

MT1 Hiểu các câu và các cụm từ thường dùng trong giao tiếp cơ bản (ví dụ: thông tin cá nhân và gia đình, mua sắm, địa lý, việc làm). Hiểu và phân biệt được các tình huống văn hóa của các nước nói tiếng Anh.

MT2 Biết cách phát âm rõ ràng các từ quen thuộc nhằm đạt được mục đích giao tiếp.

***Về kỹ năng**

MT3 Giao tiếp được trong các tình huống đơn giản và thường gặp về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống. Diễn đạt các thông tin cơ bản về chính mình, cuộc sống xung quanh, và các yêu cầu căn bản.

MT4 Làm việc độc lập và nhóm độc lập trong các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5 Có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT6 Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các lĩnh vực để tăng việc học và ứng dụng tiếng Anh một cách hiệu quả.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP		Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
	Anh văn căn bản 2	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	0	0	0	3	0	0	0	0	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		0	0	3	0	0	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
		Kiến thức	
MT1, MT2, MT3	**CO1**	Phân biệt được các loại động từ ở quá khứ, cách nhấn trọng âm trong từ và câu, các âm gần giống nhau	**PO3**
MT1, MT2, MT3	**CO2**	Biết và phân biệt được ẩm thực và địa danh của các nước nói tiếng Anh	**PO3**
		Kỹ năng	
MT4, MT5	**CO3**	Giao tiếp được trong các tình huống quen thuộc trong cuộc sống ở quá khứ, hiện tại và tương lai, về ẩm thực và địa danh trong các tình huống giao tiếp quen thuộc	**PO12**
MT4, MT5	**CO4**	So sánh và liên hệ trong các tình huống giao tiếp quen thuộc	**PO12**
MT6	**CO5**	Sử dụng tiếng Anh để tương tác một cách lưu loát và rõ ràng trong làm việc nhóm và độc lập với người khác.	**PO12**
		Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT7, MT8	**CO6**	Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các tình huống học tập và làm việc và của việc phát âm trong tiếng Anh	**PO16**

MT7, MT8	**CO7**	Nâng cao khả năng học tập và nghiên cứu suốt đời.	**PO17**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 2 (AVCB2) là học phần thứ hai trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File 1 (second edition) của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 7 cho tới Unit 12, trong đó bao gồm 6 đơn vị bài học (6 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
Làm việc nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO4, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Bài tập cá nhân	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Bài kiểm tra giữa kỳ (Nghe 10%, Nói 20%)	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP - Trắc nghiệm: Từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng Đọc hiểu - Tự luận: Kỹ năng Viết	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., & Seligson, P. (2013). *American English file 1.* Oxford: Oxford University Press

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Soars, L., & Wheeldon, S. (2009). *American Headway 1.* Oxford: Oxford University Press

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	**Unit 7A: At the National Portrait Gallery** + Grammar (G): Simple past of be: was / were	Bài 7A, Trang 52-53 Sách bài tập Bài 7A,	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	+ Vocabulary (V): word formation + Pronunciation (P): sentence stress	Trang 43-44	
2	**Unit 7B: Chelsea girls** + G: simple past: regular verbs + V: past time expressions + P: -ed endings	Bài 7B, Trang 54-55 Sách bài tập Bài 7B, Trang 45-46	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
3	**Unit 7C: A night to remember** + G: simple past: irregular verbs + V: go, have, get + P: sentence stress (cont.)	Bài 7C, Trang 56-57 Sách bài tập Bài 7C, Trang 47-48	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
4	**A murder story** + G: simple past: regular and irregular + V: irregular verbs + P: simple past verbs	Bài 8A, Trang 60-61 Sách bài tập Bài 8A, Trang 50-51	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
5	**Unit 8B: A house with a history** + G: there is / there are; some / any + plural nouns + V: the house + P: /er/ and /ir/, sentence stress	Bài 8B, Trang 62-63 Sách bài tập Bài 8B, Trang 52-53	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
6	**Unit 8C: A night in a haunted hotel** + G: there was / there were + V: prepositions of place and movement + P: slient letters	Bài 8C, Trang 64-65 Sách bài tập Bài 8C, Trang 54-55	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
7	**Review 1 + Workbook correction + Listening Test** Review Grammar of U11: adverbs, verbs + infinitive, articles (Grammar bank page 145)	Bài ôn tập Trang 66-67, 145	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
8	**Unit 9A: What I ate yesterday** + G: countable / uncountable nouns; a / an; some / any + V: food + P: the letter ea	Bài 9A Trang 68-69 Sách bài tập Bài 9A, Trang 56-57	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
9	**Unit 9B: White gold** + G: quantifiers: how much / how many, a lot of, etc. + V: food containers + P: /ʃ/ and /s/	Bài 9B Trang 70-71 Sách bài tập Bài 9B, Trang 58-59	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
10	**Unit 9C: Quiz night** + G: comparative adjectives + V: high numbers + P: /ər/, sentence stress	Bài 9C Trang 72-73 Sách bài tập Bài 9C, Trang 60-61	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
11	**Midterm test (Speaking test)**		
12	**Unit 10A: The most dangerous road...** + G: superlative adjectives + V: places and buildings + P: consonant groups	Bài 10A Trang 76-77 Sách bài tập Bài 10A, Trang 63-64	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
13	**Unit 10B: CouchSurf around the world** + G: be going to (plans), future time expressions + V: vacations + P: sentence stress	Bài 10B Trang 78-79 Sách bài tập Bài 10B, Trang 65-66	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
14	**Unit 10C: What's going to happen?** + G: be going to (predictions) + V: verb phrases + P: the letters /oo/ + Workbook page 67-68	Bài 10C Trang 80-81 Sách bài tập Bài 10C, Trang 67-68	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
15	+ Review 2 + Workbook correction + Review Grammar off U12 : Present perfect (Grammar bank page 147) + Review for final test	Bài ôn tập Trang 82-83, 147	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

KHOA NGOẠI NGỮ

TS. Trần Thị Thùy

P. **TRƯỞNG BỘ MÔN**

Lương Trọng Linh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn căn bản 3

Mã học phần: 0101000863

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 30	T 15	P 0	O 0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Anh văn căn bản 1 và Anh văn căn bản 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☐ Tiếng Anh: ☑

Đơn vị phụ trách: Trung tâm đào tạo chuẩn đầu ra và phát triển nguồn nhân lực

2. Giảng viên phụ trách môn học

Các giảng viên trực thuộc Bộ môn Anh văn – Trung tâm Đào tạo Chuẩn đầu ra và Phát triển nguồn nhân lực

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần Anh văn căn bản 3, sinh viên có thể

*** Kiến thức:**

MT1 Nhận biết về ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp khác nhau liên quan đến các chủ đề như xã hội, văn hóa, giáo dục, du lịch và giải trí.

*** Kỹ năng:**

MT2 Giao tiếp trong hầu hết các tình huống gặp phải trong đời sống hàng ngày; tham gia vào các cuộc hội thoại trong môi trường làm việc giao tiếp bằng tiếng Anh.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

MT3 Ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong học tập, công việc và đời sống.

MT4 Rèn luyện tính tự chủ, kỷ luật, tự giác, trách nhiệm trong học tập.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp ; 1 = Mức thấp ; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP		Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
	Anh văn căn bản 3	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	0	0	0	3	0	0	0	0	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		0	0	3	0	0	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nhận biết các cấu trúc ngữ pháp phổ biến trong tiếng Anh.	PO3
MT1	CO2	Nhận biến ý nghĩa từ vựng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp khác nhau liên quan đến các chủ đề như xã hội, văn hóa, giáo dục, du lịch và giải trí.	PO3
Kỹ năng			
MT2	CO3	Giao tiếp trong hầu hết các tình huống gặp phải trong đời sống hàng ngày; tham gia vào các cuộc hội thoại trong môi trường làm việc giao tiếp bằng tiếng Anh.	PO12
MT2	CO4	Đọc hiểu các bài đọc, nhận biết thông tin đúng sai, phân biệt thông tin, tổng quát được ý chính của đoạn thông tin.	PO12
MT2	CO5	Viết thư và email trong các tình huống thân mật; có thể viết các đoạn văn văn ngắn bằng Tiếng Anh.	PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO6	Ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong học tập, công việc và đời sống trong môi trường hội nhập.	PO17
MT4	CO7	Rèn luyện tính tự chủ, kỷ luật, tự giác, trách nhiệm trong học tập, làm việc.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 3 (AVCB 3) là học phần thứ ba trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt

học phần này là *American English File 2 (second edition)* của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 1 cho tới Unit 4, trong đó bao gồm 4 đơn vị bài học (4 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc thảo luận giữa sinh viên và sinh viên, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào thực tiễn	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, chú ý nghe giảng, và tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp như thảo luận đôi, nhóm và đóng vai dựa trên các tình huống có liên quan đến chủ đề của đơn vị bài học.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO7	10
2	Bài tập cá nhân	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
2	Bài kiểm giữa kỳ - Kiểm tra kỹ các năng Nghe và Nói	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
3	Thi kết thúc HP - Trắc nghiệm: Từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng Đọc hiểu - Tự luận: Kỹ năng Viết	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., & Seligson, P. (2013). *American English file 2.* Oxford: Oxford University Press

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Soars, L., & Wheeldon, S. (2009). *American Headway 1.* Oxford: Oxford University Press

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	**Unit 1A: Where are you from?**		
	- Grammar: Word order in questions - Vocabulary: Common verb phrases,	[1] Bài 1A. Trang 4.	CO1, CO2, CO3, CO6,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	spelling and numbers - Speaking: Personal information - Pronunciation: Vowel sounds, the alphabet	[2] Bài 1A. Trang 5	CO7
2	**Unit 1B: Charlotte's choice**		
	- Grammar: Simple present - Vocabulary: Describing people - Reading: *Who knows you better?* - Writing: Describing a person you know - Pronunciation: Final –s/-es	[1] Bài 1B. Trang 6 [2] Bài 1B. Trang 7	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
3	**Unit 1C: Mr. and Ms. Clark and Percy**		
	- Grammar: Present continuous - Vocabulary: Clothes, prepositions of place - Listening: *Mr and Mrs Clark and Persy* - Pronunciation: /ə/, / ər/	[1] Bài 1C. Trang 8. [2] Bài 1C. Trang 9.	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
4	**Unit 2A: Right place, wrong person**		
	- Grammar: Simple past - Vocabulary: Vacations - Reading: Joe's and Laura's vacations - Listening: Mia and Linda talking about their vacations - Speaking: Your last vacations - Pronunciation: -ed endings	[1] Bài 2A. Trang 12 [2] Bài 2A. Trang 13	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
5	**Unit 2B: The story behind the photo**		
	- Grammar: Past continuous - Vocabulary: Prepositions of time and place - Reading: A moment in history - Listening: A woman talking about the photo in the article called *The*	[1] Bài 2B. Trang 14 [2] Bài 2B. Trang 15	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	image that cost a fortune - Writing: Describing your favorite photo - Pronunciation: Sentence stress		
6	**Unit 2C: One dark October evening**		
	- Grammar: Time sequences and connectors - Vocabulary: Verb phrases - Reading: The story about Hannah and Jamie - Speaking: Retelling the story - Pronunciation: Word stress	[1] Bài 2C. Trang 16 [2] Bài 2C. Trang 17	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
7	**Units 1 - 2 review and check**		
	- Grammar - Vocabulary - Pronunciation - Reading - Listening - Speaking - Writing	[1] 1 & 2 Review and check. Trang 18 [2] 1 & 2 Review and check. Trang 19	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
8	Mid-term exam	[1] Listening [2] Speaking	CO1, CO2, CO3, CO4
9	**Unit 3A: Plans and dreams**		
	- Grammar: *be going to* - Vocabulary: Airports - Listening: Three travelers talking about their plans and dreams - Reading: An article about the top airports in the words - Pronunciation: Sentence stress and fast speech	[1] Bài 3A. Trang 20 [2] Bài 3A. Trang 21	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7
10	**Unit 3B: Let's meet again**		
	- Grammar: Present continuous - Vocabulary: Verbs + propositions	[1] Bài 3B. Trang 22	CO1, CO2, CO3, CO4,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	- Reading: Ben's and Lily's Facebook messages - Listening: Lily's flight information - Speaking: Making arrangements - Pronunciation: Sounding friendly	[2] Bài 3B. Trang 23	CO6, CO7
11	**Unit 3C: What's the world?**		
	- Grammar: Defining relative clauses - Vocabulary: Expressions for paraphrasing - Listening: The introduction of a TV game show called *What's the Word?* - Reading: *900 new words in 3 months* - Pronunciation: Pronunciation in a dictionary	[1] Bài 3C. Trang 24 [2] Bài 3C. Trang 25	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
12	**Unit 4A: Parents and teenagers**		
	- Grammar: Present perfect - Vocabulary: Housework, make or do? - Reading: Some annoying habits - Listening: A radio program about teenage caregivers - Pronunciation: /y/ and /dʒ/	[1] Bài 4A. Trang 28 [2] Bài 4A. Trang 29	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
13	**Unit 4B: Fashion and shopping**		
	- Grammar: Present perfect or simple past? - Vocabulary: Shopping - Reading: The style interview - Speaking: Interviewing a friend about his or her shopping habits - Pronunciation: *c* and *ch*	[1] Bài 4B. Trang 30 [2] Bài 4B. Trang 31	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
14	**Unit 4C: Lost weekend**		
	- Grammar: Indefinite pronouns - Vocabulary: Adjectives ending in -ed and -ing	[1] Bài 4C. Trang 32 [2] Bài 4C. Trang 33	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	- Listening: A new story about Steve - Reading: *What did you really do on the weekend?* - Speaking: Interviewing a friend about his or her last weekend - Pronunciation: /e/, /oʊ/ and /ʌ/		
15	**Units 3 - 4 review and check** **Course revision**		
	- Grammar - Vocabulary - Pronunciation - Reading - Listening - Speaking - Writing	[1] 3 & 4 Review and check. Trang 34 [2] 3 & 4 Review and check. Trang 35	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

KHOA NGOẠI NGỮ

TS. Trần Thị Thùy

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lương Trọng Tình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn căn bản 4

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 15	T 15	P 15	O 0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Anh văn căn bản 1, Anh văn căn bản 2, Anh văn căn bản 3

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☐ Tiếng Anh: ☑

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

2. Giảng viên phụ trách môn học

Giảng viên khoa Ngoại ngữ

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần Anh văn căn bản 4, sinh viên có thể

*** Kiến thức:**

MT1 Hiểu về từ vựng, cách diễn đạt tiếng Anh trong các văn bản, lời nói liên quan đến các chủ đề văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật.

*** Kỹ năng:**

MT2 Đọc hiểu các tài liệu văn bản trong các lĩnh vực xã hội.

MT3 Thực hiện giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thường gặp trong đời sống xã hội.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

MT4 Ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong học tập, công việc và đời sống.

MT5 Rèn luyện tính tự chủ, kỷ luật, tự giác, trách nhiệm trong học tập.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp ; 1 = Mức thấp ; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP		Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
	Anh văn căn bản 4	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	0	0	0	3	0	0	0	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	P019	
		0	0	3	0	0	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nhận biến ý nghĩa từ vựng, cách diễn đạt tiếng Anh trong các tình huống đọc hiểu văn bản liên quan đến các chủ đề văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật	
MT2	CO2	Hiểu từ vựng, cách diễn đạt tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp liên quan đến các chủ đề văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật	
Kỹ năng			
MT3	CO3	Đọc hiểu các bài đọc, nhận biết thông tin đúng sai, phân biệt thông tin, tổng quát được ý chính của đoạn thông tin.	
MT4	CO4	Hỏi đáp các tình huống giao tiếp cơ bản trong đời sống xã hội.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong học tập, công việc và đời sống trong môi trường hội nhập.	
MT6	CO6	Rèn luyện tính tự chủ, kỷ luật, tự giác, trách nhiệm trong học tập, làm việc.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 4 (AVCB 4) là học phần thứ tư trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong học phần này là *Active skills for reading 1 (3rd)* của NXB Cengage kết hợp các hoạt động giao tiếp được thiết kế bởi giảng viên của Khoa Ngoại ngữ. Học phần này bắt đầu từ Unit 1 cho tới Unit 12. Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc thảo luận giữa sinh viên và sinh viên, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào thực tiễn	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, chú ý nghe giảng, và tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp như thảo luận đôi, nhóm và đóng vai dựa trên các tình huống có liên quan đến chủ đề của đơn vị bài học.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi	CO5, CO6	10

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
			học bắt buộc		
2	Bài tập cá nhân	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4	10
2	Bài kiểm giữa kỳ - Kiểm tra kỹ năng Nói và Đọc hiểu	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Thi kết thúc HP - Trắc nghiệm	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyen Thu Huong, Ho Phuong Thuy, Nguyen Thai Huu (2012), A coursebook on reading : Basic Reading Skills & Advanced Reading Skills. Cần Thơ CanTho University publishing house.

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., & Seligson, P. (2013). *American English file 3.* Oxford: Oxford University Press

[2] Soars, L., & Wheeldon, S. (2009). *American Headway 1.* Oxford: Oxford University Press

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	**Unit 1: All about food**		
	Reading skill: Predicting Vocabulary skill: Antonyms Real life skill: Reading food labels	**Page 11** *Active skills for reading*	CO1, CO3
2	**Speaking 1**		
	Topic: Introduction		CO2, CO4
3	**Unit 2: Inventions**		
	Reading skill: Scanning Vocabulary skill: Irregular past tense verbs Real life skill: Dictionary skills: Identifying parts of speech	**Page 21** *Active skills for reading*	CO1, CO3
4	**Speaking 2**		
	Topic: Hometown or birthplace		CO2, CO4

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
5	**Unit 4: Money and Budgets**		
	Reading skill: Skimming for main ideas, identifying supporting details Vocabulary skill: Prefixes *in-* and *ex-*, words relating to money Real life skill: Personal budget	**Page 49** *Active skills for reading*	CO1, CO3
6	**Speaking 3**		
	Topic: Hobby		CO2, CO4
7	**Unit 5: Our modern lifestyle**		
	Reading skill: Identifying transition words, making inferences Vocabulary skill: Using transition words, word webs Real life skill: Reading blogs	**Page 59** *Active skills for reading*	CO1, CO3
9	**Speaking 4**		
	Topic: Traveling		CO2, CO4
10	Progress test	[1] Reading test [2] Speaking test	CO1, CO2, CO3, CO4
11	**Unit 7: Great structures**		
	Reading skill: Identifying supporting details, scanning Vocabulary skill: Expressing certainty, superlatives Real life skill: Recognizing survey question types	**Page 87** *Active skills for reading*	CO1, CO3
12	**Speaking 5**		
	Topic: Transportation		CO2, CO4
13	**Unit 10: Festival and Celebrations**		
	Reading skill: Scanning, reading for details Vocabulary skill: Preposition of time *in on at*, sensory verbs Real life skill: Reading tourist information	**Page 107** *Active skills for reading*	CO1, CO3
14	**Speaking 6**		
	Topic: Work - Study		CO2, CO4
15	**Course revision**		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	Reading comprehension revision Speaking revision		CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

KHOA NGOẠI NGỮ	P. TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Trần Thị Thùy	Lương Trọng Linh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 1 – Bóng chuyền

Mã học phần: 0101000872

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	**Giờ trên lớp**				**Tổng thời gian học trên lớp và tự học**
L = Lý thuyết	**L**	**T**	**P**	**O**	
T = Bài tập					
P = Thực hành	3	0	27	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

**** Về kiến thức***

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển môn bóng chuyền, đặc điểm, tính chất, tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam.

MT2: Nắm được xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại, đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam.

MT3: Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền.

MT4: Nắm vững một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.

** Về kỹ năng*

MT5: Có kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền (chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng, đập bóng) khi thực hành trên lớp và trong thực tiễn thi đấu môn bóng chuyền.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức và tham gia tích cực các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

MT9: Tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000872	Giáo dục thể chất I - Bóng chuyền	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		0	0	0	0	1	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền trên Thế giới và Việt Nam, đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền	PO15
MT2	CO2	Biết được xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại, đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao của Việt Nam	PO15
MT3	CO3	Nắm vững và thực hành được các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền	PO15
MT4 MT5	CO4	Nắm vững một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền	PO15

Kỹ năng			
MT3 **MT5** **MT6**	**CO5**	Thực hiện được các kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền (chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng, đập bóng) khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng chuyền	**PO19**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 **MT10**	**CO6**	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.	**PO19**
MT6 **MT8** **MT9**	**CO7**	Tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bóng chuyền trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam;
- Đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền;
- Xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại;
- Đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam;
- Kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bóng chuyền;
- Một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1, CO2**
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	**CO1, CO2, CO3, CO4**
Thực hành (Thị phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng chuyền, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	**CO3, CO4, CO5**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	**CO6, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra

Thảo luận: giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng trong buổi học

Ra, vào lớp đúng giờ quy định

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định

Tham dự thi phần thực hành

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	**Chuyên cần**	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	**CO1, CO2**	10
2	**Bài kiểm tra giữa kỳ**	30	+ Yêu cầu phát qua lưới và vào sân + Đối với nam: Phát bóng cao tay 5 quả + Đối với nữ: Phát bóng thấp tay 5 quả	**CO3, CO4, CO5, CO6**	10
3	**Thi kết thúc HP (đợt 1)**	25	+ Đệm bóng cơ bản trước mặt + Đối với nam: 10 lần đệm bóng liên tục qua lại không rơi (cách lưới). + Đối với nữ: 10 lần đệm bóng liên tục qua lại không rơi (không cách lưới).	**CO3, CO4, CO5, CO6**	10
4	**Thi kết thúc HP (đợt 2)**	25	+ Chuyền bóng cơ bản trước mặt + Đối với nam: 10 lần chuyền bóng liên tục qua lại không rơi (cách lưới). + Đối với nữ: 10 lần chuyền bóng liên tục qua lại không rơi (không cách lưới).	**CO3, CO4, CO5, CO6**	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1] Huỳnh Minh Tâm, *Bài giảng môn Bóng chuyền*, khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Dương Tuyết, Cát Lợi, *Tôi yêu thể thao: Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Mỹ Thuật, năm 2009.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	LÝ THUYẾT		
1	**Chương 1: Lịch sử phát triển môn bóng chuyền**		
	Sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền Đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền Xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại. Đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao của Việt Nam	[1]	**CO1, CO2, CO6, CO7**
	Chương 2 Kỹ thuật bóng chuyền		
	Tư thế và di chuyển Kỹ thuật chuyền bóng Kỹ thuật đệm bóng Kỹ thuật phát bóng Kỹ thuật đập bóng Kỹ thuật chắn bóng	[1]	**CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**
	Chương 3 Sân bãi, dụng cụ thi đấu		
	Sân: Kích thước sân thi đấu, mặt sân, các đường trên sân, các khu trên sân, nhiệt độ, ánh sáng. Lưới và cột: chiều cao của lưới, cấu tạo lưới, băng giới hạn, ăng ten, cột lưới. Bóng: bóng chuẩn, tính đồng nhất của quả bóng, bóng dùng trong các cuộc thi đấu Thế giới, số lượng bóng và số người nhặt bóng trong thi đấu	[1]	**CO4, CO6, CO7**
	Chương 4 Những người tham gia	[1]	
	Đội bóng: thành phần của đội bóng, vị trí của đội bóng, đội hình thi đấu của đội, vị trí của vận động	[1]	**CO4, CO6, CO7**

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	viên trong sân, lỗi sai vị trí, trang phục, thay đổi trang phục Thay người: giới hạn thay người, thay người ngoại lệ, thay người bắt buộc, thay người không hợp lệ Thể thức thi đấu Động tác đánh bóng: số lần chạm bóng của một đội, tính chất chạm bóng, lỗi đánh bóng.		
THỰC HÀNH			[1]
2	Bài 1: Tư thế và di chuyển Tư thế chuẩn bị Tư thế đánh bóng Di chuyển: Chạy, bước, nhảy, ngã	[1]	**CO3, CO5, CO6, CO7**
3 - 4	Bài 2: Kỹ thuật phát bóng thấp tay Phát bóng thấp tay trước mặt (chính diện) Phát bóng thấp tay nghiêng mình	[1]	**CO3, CO5, CO6, CO7**
5 - 6	Bài 3: Kỹ thuật phát bóng cao tay Phát bóng cao tay trước mặt (chính diện) Phát bóng cao tay nghiêng mình	[1]	**CO3, CO5, CO6, CO7**
KIỂM TRA GIỮA KỲ			[1]
7 - 8	Bài 4: Kỹ thuật đệm bóng Đệm bóng cơ bản Đệm bóng về phía sau Lăn ngã đệm bóng	[1]	**CO3, CO5, CO6, CO7**
9 - 10	Bài 5: Kỹ thuật chuyền bóng Chuyền bóng cơ bản Chuyền bóng lật sau đầu Bật nhảy chuyền bóng Chuyền bóng kết hợp lăn ngã	[1]	**CO3, CO5, CO6, CO7**
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)		**CO3, CO5, CO6, CO7**
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)		**CO3, CO5, CO6, CO7**

12. Cơ sở và thiết bị

Sân bãi: sân bóng chuyền, bóng chuyền và một số dụng cụ khác

Đối với sinh viên: trang phục thể dục và mang giày.

KHOA CƠ BẢN	BỘ MÔN
Nguyễn Chí Thắng	Huỳnh Minh Tâm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - quần vợt

Mã học phần: 0101000873

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	**Giờ trên lớp**				**Tổng thời gian học trên lớp và tự học**
L = Lý thuyết **T** = Bài tập **P** = Thực hành **O** = Thảo luận/seminar	**L** 3	**T** 0	**P** 27	**O** 0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

**** Về kiến thức***

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển môn quần vợt trên thế giới và Việt Nam, ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt

MT2: Nắm vững các nguyên lý, kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt.

MT3: Nắm vững các kỹ thuật đánh bóng trong quần vợt.

MT4: Nắm vững một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.

** Về kỹ năng*

MT5: Có kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt (kỹ thuật cầm vợt, Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, kỹ thuật giao bóng) khi thực hành trên lớp và trong thực tiễn thi đấu môn quần vợt.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

MT9: Tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000823	Giáo dục thể chất 2 -Quần vợt	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		0	0	0	0	1	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt trên Thế giới và Việt Nam, ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt.	PO15
MT2	CO2	Nắm được các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt.	PO15
MT3	CO3	Nắm vững và thực hành được các kỹ thuật đánh bóng trong quần vợt.	PO15
MT4 MT5	CO4	Nắm vững một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.	PO15
Kỹ năng			

MT3 **MT4** **MT5** **MT6** **MT8** **MT9**	**CO5**	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt (Kỹ thuật cầm vợt, Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, Kỹ thuật giao bóng) khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn quần vợt	**PO19**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 **MT9** **MT10**	**CO6**	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.	**PO19**
MT6 **MT8** **MT9**	**CO7**	Tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Quần vợt trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt trên thế giới và Việt Nam;
- Ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt;
- Các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt;
- Các kỹ thuật đánh bóng (kỹ thuật cầm vợt, kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, kỹ thuật giao bóng);
- Một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của học phần một cách khoa học, logic.	**CO1, CO2**
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong học phần.	**CO1, CO2, CO3, CO4**
Thực hành (Thị phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng chuyền, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	**CO3, CO4, CO5**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	**CO6, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra.

Thảo luận giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung, kiến thức trong học phần.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng trong buổi học

Ra, vào lớp đúng giờ quy định.

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên.

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định.

Tham dự thi phần thực hành.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	**Chuyên cần**	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	**CO1, CO2**	10
2	**Bài kiểm tra giữa kỳ**	30	+ Giao bóng theo sở trường (topspin; sidespin; flat) + Giao bóng 05 quả bên góc phải + Giao bóng 05 quả bên góc trái	**CO3, CO4, CO5, CO6**	10
3	**Thi kết thúc HP (đợt 1)**	25	+ Đánh bóng thuận tay (forehand) + Đánh 05 lần theo đường thẳng về cuối sân + Đánh 05 lần theo đường chéo về cuối sân	**CO3, CO4, CO5, CO6**	10
4	**Thi kết thúc HP (đợt 2)**	25	+ Đánh bóng trái tay (backhand) + Đánh 05 lần theo đường thẳng về cuối sân + Đánh 05 lần theo đường chéo về cuối sân	**CO3, CO4, CO5, CO6**	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Lê Tiến Đề - Huỳnh Minh Tâm, *Bài giảng môn quần vợt*, khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2016.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Vũ Như Ý, *Hướng dẫn chơi quần vợt*, Nhà xuất bản thể dục thể thao Hà Nội, năm 2003.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
LÝ THUYẾT			
1	**Chương 1: Lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt**		
	+ Nguồn gốc và lịch sử phát triển môn Quần vợt trên thế giới. + Lịch sử phát triển môn quần vợt ở Việt Nam. + Ý nghĩa, lợi ích của người chơi môn Quần vợt	[1]	**CO1, CO6, CO7**
	Chương 2 Nguyên lý kỹ thuật cơ bản của quần vợt		
	+ Cấu trúc sinh cơ học của hoạt động đánh bóng trong Quần vợt + Điều khiển hoạt động đánh bóng + Các yếu tố đánh bóng.	[1]	**CO2, CO5, CO6, CO7**
	Chương 3 Kỹ thuật đánh bóng		
	+ Cách cầm vợt + Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải (forehand) + Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái (backhand) + Kỹ thuật giao bóng	[1]	**CO3, CO5, CO6, CO7**
	Chương 4 Một số quy định trong quần vợt		
	+ Sân, thiết bị cố định, bóng và vợt: sân thi đấu, thiết bị cố định, bóng, vợt. + Giao bóng và đỡ giao bóng: đánh đơn, đánh đôi + Chọn bên và chọn giao bóng	[1]	**CO4, CO5, CO6, CO7**

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	+ Lỗi khi giao bóng: đánh đơn, đánh đôi + Lỗi giao bóng + Đầu thủ thua điểm		
	Chương 5: Hệ thống tính điểm trong quần vợt		
	+ Hệ thống tính điểm: tính điểm trong game, tính vận trong hiệp, số hiệp tối đa, tiến hành trận đấu và thời gian nghỉ, thay bóng. + Cản trở đối phương + Bóng rơi trên vạch + Bóng chạm các thiết bị cố định + Đánh bóng trả tốt + Đầu thủ bị cản trở	[1]	**CO4, CO6, CO7**
THỰC HÀNH			
2	**Bài 1:** + Cách cầm vợt, tư thế chuẩn bị và di chuyển + Cách cầm vợt + Tư thế chuẩn bị + Di chuyển	[1]	**CO3, CO5, CO6, CO7**
3	**Bài 2:** + Kỹ thuật giao bóng (topspin; sidespin; flat) + Tư thế chuẩn bị + Yếu lĩnh động tác: giao bóng thẳng, giao bóng chém, giao bóng xoáy + Kết thúc động tác	[1]	**CO3, CO5, CO6, CO7**
KIỂM TRA GIỮA KỲ			
4	**Bài 3:** + Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải (forehand) + Tư thế chuẩn bị + Yếu lĩnh động tác + Kết thực động tác	[1]	**CO3, CO5, CO6, CO7**
5 - 6 -	**Bài 4:**	[1]	**CO3, CO5,**

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
7	+ Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái (backhand) + Tư thế chuẩn bị + Yếu lĩnh động tác + Kết thực động tác		CO6, CO7
8 -9 - 10	**Bài 5:** + Kỹ thuật đánh trả giao bóng + Phát triển kỹ năng đánh trả giao bóng và hạn chế sức tấn công của đối phương	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)		CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)		CO3, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Sân bãi: sân quần vợt, bóng, vợt và một số dụng cụ khác
- Đối với sinh viên: trang phục thể dục, vợt và mang giầy.

KHOA CƠ BẢN

Nguyễn Chí Thắng

BỘ MÔN

Huỳnh Minh Tâm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 3 – Bóng đá

Mã học phần: 0101000874

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	**L**	**T**	**P**	**O**	
T = Bài tập					
P = Thực hành	3	0	27	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

** Về kiến thức*

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng đá trên Thế giới và Việt Nam, đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá.

MT2: Nắm vững các đặc điểm, phân loại và yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản (tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng) trong môn bóng đá

MT3: Nắm vững kiến thức về luật bóng đá 5 người.

** Về kỹ năng*

MT4: Có kỹ năng vận dụng các kỹ năng cơ bản của môn bóng đá khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng đá.

MT5: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

MT9: Tự giác tập luyện và hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000874	Giáo dục thể chất 3 -Bóng đá	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		0	0	0	0	1	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử phát triển môn bóng đá trên Thế giới, Việt Nam, đặc điểm, tác dụng của môn bóng đá.	PO15
MT2	CO2	Nắm được khái niệm và phân loại kỹ thuật môn bóng đá	PO15
MT2 MT4	CO3	Nắm vững và thực hành được các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản (tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng) trong môn bóng đá.	PO15
MT3	CO4	Nắm vững các kiến thức về luật bóng đá 5 người.	PO15

Kỹ năng			
MT2 **MT4** **MT5**	**CO5**	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng đá	**PO19**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 **MT10**	**CO6**	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao	**PO19**
MT5 **MT6** **MT8** **MT9**	**CO7**	Tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bóng đá trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử phát triển môn bóng đá trên thế giới và Việt Nam

- Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá;

- Kiến thức cơ bản về các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như: tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng, luật bóng đá 5 người.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của học phần một cách khoa học, logic.	**CO1, CO2**
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	**CO1, CO2, CO3, CO4**
Thực hành (Thị phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng đá, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	**CO3, CO4, CO5**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	**CO6, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra.

Thảo luận trong giờ học giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung, kiến thức trong học phần.

Tự học, tự nghiên cứu những vấn đề đã được nghe giảng trong giờ học.

Ra, vào lớp đúng giờ quy định.

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên.

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định.

Tham dự thi phần thực hành.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	**Chuyên cần**	20	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	**CO1, CO2**	10
2	**Bài kiểm tra giữa kỳ**	30	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất - Đối với nam: 20 lần chạm bóng liên tục - Đối với nữ: 10 lần chạm bóng liên tục	**CO3, CO4, CO5, CO6**	10
3	**Thi kết thúc HP (đợt 1)**	25	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất Đối với nam: Đá 5 quả vào khung thành 1m với khoảng cách 10m bằng lòng bàn chân Đối với nữ: Đá 5 quả vào khung thành 1m với khoảng cách 08m bằng lòng bàn chân	**CO3, CO4, CO5, CO6**	10
4	**Thi kết thúc HP (đợt 2)**	25	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất Đối với nam: Đá 5 quả vào khung thành 6m với khoảng cách 15m bằng mũ trong bàn chân Đối với nữ: Đá 5 quả vào khung thành 6m với khoảng cách 10m bằng mũ trong bàn chân	**CO3, CO4, CO5, CO6**	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Huỳnh Minh Tâm, *Bài giảng môn Bóng đá*, khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lưu Hải Yến, *Tôi yêu thể thao: Bóng đá*, Nhà xuất bản Mỹ Thuật, năm 2012.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
LÝ THUYẾT			
1	**Chương 1: Giới thiệu môn bóng đá**		
	+ Sơ lược lịch sử phát triển môn bóng đá trên Thế giới, Việt Nam + Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá + Sơ lược về các giải vô địch quốc gia + Các liên đoàn bóng đá quốc tế và khu vực + Thành tích giải vô địch bóng đá Thế giới	[1]	**CO1, CO6, CO7**
	Chương 2: Kỹ thuật môn bóng đá		
	+ Khái niệm và phân loại kỹ thuật môn bóng đá + Kỹ thuật tâng bóng + Kỹ thuật dẫn bóng + Kỹ thuật đá bóng + Kỹ thuật tranh cướp bóng	[1]	**CO2, CO5, CO6, CO7**
	Chương 3: Luật bóng đá 5 người		
	+ Luật I: Sân thi đấu + Luật II: Bóng + Luật III: Số lượng cầu thủ + Luật IV: Trang phục cầu thủ + Luật VIII: Thời gian thi đấu + Luật IX: Bắt đầu và bắt đầu lại trận đấu + Luật X: Bóng trong cuộc và bóng ngoài cuộc + Luật XI: Bàn thắng hợp lệ + Luật XII: Lỗi và hành vi thiếu đạo đức	[1]	**CO4, CO6, CO7**

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	+ Luật XIII: Những quả phạt + Luật XIV: Lỗi tổng hợp + Luật XV: Phạt đền + Luật XVI: Đá biên + Luật XVII: Quả ném phát bóng + Luật XVIII: Quả phạt góc + Những hướng dẫn về đá luân lưu		
THỰC HÀNH			
2 - 3	**Bài 1:** + Kỹ thuật tâng bóng + Đặc điểm + Phân loại + Yếu lĩnh kỹ thuật	[1]	**CO2, CO3, CO5, CO6, CO7**
4 - 5	**Bài 2:** + Kỹ thuật dẫn bóng + Khái niệm + Yếu lĩnh và đặc điểm các kỹ thuật dẫn bóng	[1]	**CO2, CO3, CO5, CO6, CO7**
KIỂM TRA GIỮA KỲ			**CO3, CO5, CO6, CO7**
6 - 7 - 8 - 9	Bài 3: + Kỹ thuật đá bóng + Kết cấu động tác kỹ thuật đá bóng + Các điểm tiếp xúc của bàn chân sử dụng để đá bóng + Yếu lĩnh và đặc điểm của đá bóng	[1]	**CO2, CO3, CO5, CO6, CO7**
10	Bài 4: + Kỹ thuật tranh cướp bóng + Tranh cướp trước mặt + Tranh cướp bóng bên cạnh + Tranh cướp bóng sau lưng + Xoạc bóng trước mặt	[1]	**CO2, CO3, CO5, CO6, CO7**
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)		**CO3, CO5,**

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
			CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)		CO3, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

Sân bãi: sân bóng đá, bóng, cọc, khung thành và một số dụng cụ khác

Đối với sinh viên: trang phục thể dục và mang giầy.

KHOA CƠ BẢN

Nguyễn Chí Thắng

BỘ MÔN

Huỳnh Minh Tâm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn pháp lý

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000909

Tổng số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 25	T 5	P 0	O 15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước: Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt □ Tiếng Anh: ☑

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Biết cách phát âm chính xác các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành luật thông qua phiên âm Latin; phát âm rõ ràng để người tham gia đối thoại có thể hiểu được. Có khả

năng sử dụng được trọng âm cũng như là ngữ điệu của lời nói để đạt hiệu quả cao nhất trong các tình huống pháp luật.

M2: Củng cố và nâng cao kiến thức ngữ pháp căn bản cần thiết để sử dụng trong giao tiếp cũng như viết chuyên ngành luật như cách sử dụng giới từ, cách sử dụng từ/ cụm từ đúng, cách thành lập các cụm từ, biết sử dụng văn phong trang trọng và ít trang trọng trong thư tín trong lĩnh vực luật; các thì ngữ pháp cụm từ dùng để giải thích, so sánh, đối chiếu...

M3: Tiếp thu được các từ, cụm từ tiếng Anh chuyên ngành pháp luật cơ bản đến nâng cao về các lĩnh vực luật liên quan đến các lĩnh vực luật công, luật tư; thuật ngữ luật về thủ tụng tố tụng.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M4: Biết cách nghe hiểu được nội dung chính và nghe tìm thông tin chi tiết trong các dạng bài nghe khác nhau như hội thoại, phát biểu, bài giảng… ở mức độ từ cơ bản đến nâng cao hơn. Có kỹ năng làm các dạng bài nghe: nghe lấy ý chính, nghe và điền vào chỗ trống, nghe và trả lời câu hỏi chi tiết, nghe và xác định thông tin đúng, sai.

M5: Diễn đạt những định nghĩa, những khái niệm liên quan đến kiến thức chuyên ngành luật; thảo luận về các chủ đề pháp luật sử dụng vốn từ vựng đã học; đóng vai trong một số tình huống phù hợp với nội dung bài học, biết cách thuyết trình về những chủ đề trong học phần.

M6: Thông thạo các kĩ năng đọc hiểu (đọc nhanh để tìm ý chính và đọc kỹ để tìm thông tin chi tiết). Đọc và hiểu các văn bản liên quan đến các chủ đề bài học từ mức độ cơ bản đến nâng cao hơn.

M7: Biết cách viết thư/ email trao đổi thông tin (tư vấn, thư phản hồi, thư tóm tắt các nội dung đã thảo luận) với khách hàng thông qua các dạng bài viết yêu cầu xác định mẫu thư/ email chuẩn; xác định các cấu trúc sử dụng theo văn phong viết thư/ email; dạng bài dựng câu đúng theo yêu cầu.

- Kỹ năng mềm

M8: Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng bằng tiếng Anh.

M9: Có khả năng tự cập nhật kiến thức và có khả năng tự nghiên cứu, học tập suốt đời.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M10: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M11: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

M12: Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá hiện tượng pháp luật trong đời sống xã hội.

M13: Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên.

M14: Tự giác trong học tập, thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp; hoàn thành các bài tập và bài kiểm tra theo yêu cầu của giảng viên và theo quy chế của trường; trung thực trong thi cử.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**									
0101000909	Anh văn pháp lý	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	3	0	0	0	2	3	2	3	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		2	3	0	0	2	0	3	1	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	**CĐR của HP**	**Nội dung CĐR của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức			
MT1 **MT2**	**CO1**	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối ngành về lịch sử nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp và một số kiến thức cơ bản	**PO2**

MT3		về kinh tế học từ đó giúp sinh viên có thể giải quyết được những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành nghề đào tạo bằng tiếng Anh. Ghi nhớ các từ, cụm từ mới trong bài học liên quan đến kiến thức luật công và luật tư; một số thuật ngữ thuộc các lĩnh vực luật công như: luật hình sự, luật hành chính,.. và các thuật ngữ luật trong lĩnh vực luật tư: như quyền đối với tài sản	
Kỹ năng			
MT4	**CO2**	Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật kinh tế bằng tiếng Anh.	**PO6**
MT5 **MT6**	**CO3**	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng pháp luật trong thực tế bằng tiếng Anh. Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo đại học luật.	**PO7, PO8**
MT7 **MT8**	**CO4**	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán các quan điểm về nhà nước và pháp luật bằng tiếng Anh. Vận dụng các kiến thức trong bài học để tóm tắt, trình bày nội dung bài học theo yêu cầu. Trình bày được sự khác nhau về tố tụng của một số nước so với Việt Nam.	**PO9**
MT9	**CO5**	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề lý luận về pháp luật bằng tiếng Anh. Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	**PO11, PO12**

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT10 **MT11**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	**PO15**
MT12 **MT13** **MT14**	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật.	**PO17, PO18, PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh văn pháp lý là chương trình tiếp nối học phần Anh văn căn bản 1,2, 3, 4 dành cho sinh viên ngành Luật Kinh tế. Học phần bao gồm các vấn đề về các kiến thức luật liên quan đến Luật công và Luật tư, Thủ tục tố tụng trong các hệ thống luật Common law và Civil law, Nghề luật.

Mỗi bài được chia thành các phần nội dung kiến thức luật cụ thể cung cấp các kiến thức luật chung, đồng thời có sự liên hệ, đối sánh các vấn đề luật trong nội dung bài học theo quy định của hệ thống luật Việt Nam và một số nước khác trên thế giới. Các chủ đề bài học cung cấp cho người học từ vựng sử dụng trong thực tiễn thi hành pháp luật; các yếu tố ngữ pháp điển hình. Bên cạnh đó, các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong lĩnh vực pháp lý cũng được chú trọng thiết kế cho người học theo từng chủ đề luật cụ thể, từ đó tạo nền tảng kiến thức, kĩ năng tiếng Anh chuyên ngành để người học có thể tiếp cận các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh một cách dễ dàng, hiệu quả.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**

Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	**Trọng số (%)**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR của HP**	**Điểm tối đa**
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4,	10

			CO5, CO6, CO7	

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

Virginia Evan, Jenny Dooley, Veronica Garza (2011), Career paths tourism, Express Publishing.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Helen Callanan and Lynda Edwards ,Absolute Legal English, Nxb. Express Publishing (2012)

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-3	**Chapter 1: Basic legal term** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1-Reading 1: Meaning of basic legal term. + Section 2: Bài đọc 1 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe: + Section 1: Listent to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến basic legal term. **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành mẫu đơn theo yêu cầu.	1	CO1,CO7
Tiết 4-6	**Chapter 2: Basic legal concepts** **1.1. Reading**		

	- Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1: Meaning of Basic legal concepts + Section 2: Bài đọc 2 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe: + Section 1: Listent to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến basic legal concepts. **1.4. Writing** Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành mẫu đơn theo yêu cầu.		
Tiết 7-9	**Chapter 3: Legal resource** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1: Meaning of Basic legal concepts + Section 2: Bài đọc 3 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến basic legal resource. **1.4 Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành mẫu đơn theo yêu cầu.	1	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 10-12	**Chapter 4: Sources of law** **1.1. Reading**	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6

	- Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1: Meaning of Sources of law + Section 2: Bài đọc 4 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe: + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến sources of law. **1.4 Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành mẫu đơn theo yêu cầu.		CO7
Tiết 13-15	**Chapter 5: Preliminary documents** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc + Section 1: Meaning of Preliminary documents + Section 2: Bài đọc 5 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến Preliminary documents. **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành bức thư theo yêu cầu.	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

Tiết 16-18	**Chapter 6: Court structure** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc + Section 1: Meaning of Court structure + Section 2: Bài đọc 6 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến Court structure. **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành bức thư theo yêu cầu.	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 19-21	**Chapter 7: Jurisdiction** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc + Section 1: Meaning of Jurisdiction + Section 2: Bài đọc 7 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến Jurisdiction **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành nội dung theo yêu cầu.	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

Tiết 22-24	**Chapter 8: In the courthroom** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1: Meaning of In the courthroom + Section 2: Bài đọc 8 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe: + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến In the courthroom **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành nội dung theo yêu cầu.	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 25-27	**Chapter 9: Court process** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1: Meaning of Court process + Section 2: Bài đọc 9 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe: + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến Court process **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành nội dung theo yêu cầu.	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

Tiết 28-30	**Chapter 10: Court etiquette** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1: Meaning of Court etiquette + Section 2: Bài đọc 10 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe: + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến Court etiquette. **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành nội dung theo yêu cầu.	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 31-33	**Chapter 11: Criminal law** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1: Meaning of Criminal law + Section 2: Bài đọc 11 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe: + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến Criminal law **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành nội dung theo yêu cầu.	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

Tiết 34-36	**Chapter 12: Civil law** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1: Meaning of Civil law. + Section 2: Bài đọc 12. **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe: + Section 1: Listen to the conversation. + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại. **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến Civil law. **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành nội dung theo yêu cầu.	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 37-39	**Chapter 13: Administrative law** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1: Meaning of Administrative law + Section 2: Bài đọc 13 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe: + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến Administrative law **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành nội dung	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	theo yêu cầu.		
Tiết 40-42	**Chapter 14: Initial client interview** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc + Section 1: Meaning of Initial client interview. + Section 2: Bài đọc 14 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến Initial client interview **1.4. Writing** - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành nội dung theo yêu cầu.	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 43-45	**Chapter 15: Interviewing withnesses** **1.1. Reading** - Thực hành kỹ năng đọc: + Section 1: Meaning of Interviewing withnesses + Section 2: Bài đọc 15 **1.2. Listening** - Thực hành kỹ năng nghe: + Section 1: Listen to the conversation + Section 2: Nghe và hoàn thành cuộc hội thoại **1.3. Speaking** - Thực hành kỹ năng nói: Hỏi-đáp hội thoại về nội dung liên quan đến Interviewing withnesses	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	1.4. Writing - Thực hành kỹ năng viết: Hoàn thành nội dung theo yêu cầu. **Ôn tập kết thúc môn**		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	**BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ**
ThS. Nguyễn Chí Dũng	**ThS. Thân Thị Kim Nga**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Lý luận nhà nước và pháp luật 1
Chuyên ngành: Luật kinh tế
Mã học phần: 0101000708
Tổng số tín chỉ: 02
Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết
Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 15	T 5	P 5	O 5	30 + 90 = 120

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: □

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về nhà nước như khái niệm nhà nước, nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, kiểu, vai trò của nhà nước; bộ máy nhà nước; nhà nước pháp quyền;

M2: Xác định được quá trình vận động và phát triển của nhà nước;

M3: Nêu và phân tích được mối quan hệ giữa nhà nước với các hiện tượng xã hội khác;

M4: Xác định được chức năng nhà nước nói chung qua các kiểu nhà nước; đồng thời xác định được chức năng của nhà nước Việt Nam hiện nay;

M5: Phân tích được mối quan hệ giữa nhà nước với cá nhân nói chung và ở Việt Nam hiện nay nói riêng;

M6: Có được tư duy khoa học và phương pháp nhận thức khoa học về xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Về kỹ năng

-Kỹ năng nghề nghiệp

M7: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước trong thực tế;

M8: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo đại học luật;

M9: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề lý luận về nhà nước;

M10: Có kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá các vấn đề pháp luật về nhà nước;

-Kỹ năng mềm

M11: Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng;

M12: Có khả năng tự cập nhật kiến thức và có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M13: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M14: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

M15: Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá hiện tượng nhà nước trong đời sống xã hội;

M16: Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;

M17: Xác định đúng vị trí, vai trò của lý luận nhà nước và pháp luật trong hệ thống các khoa học pháp lý và các môn học pháp lý trong chương trình đào tạo đại học luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000708	Lý luận NN&PL 1	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	2	0	0	0	1	2	2	3	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		2	3	0	0	2	0	3	1	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 **MT2** **MT3** **MT4** **MT5**	**CO1**	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối ngành về lý luận nhà nước và pháp luật	**PO2**
Kỹ năng			
MT6	**CO2**	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước trong thực tế.	**PO6**

MT7	**CO3**	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo đại học luật	**PO7, PO8**
MT8	**CO4**	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.	**PO9**
MT9 **MT10**	**CO5**	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	**PO11, PO12**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 **MT12** **MT13** **MT14**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	**PO15**
MT15	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật.	**PO17, PO18, PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận cơ bản về nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của nhà nước và pháp luật.

Giới thiệu cho sinh viên các đặc điểm, hình thức pháp luật, phân tích các ưu, nhược điểm của các hình thức pháp luật chủ nô, phong kiến, tư sản và xã hội chủ nghĩa.

Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về bộ máy nhà nước Việt Nam, nguyên tác tổ chức, hoạt động và vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	**Mục đích**	**CĐR của HP đạt được**
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**

	tự làm rõ các kiến thức mới.	
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Minh Đoan, *Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật (2020).

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Trọng Lâm (Chủ biên); Nguyễn Văn Động, Đinh Ngọc Thắng…(2022), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật,* Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Luật Hiến pháp Việt Nam năm 2013
3. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-6	**Vấn đề 1. Nguồn gốc, kiểu nhà nước** 1.1. Khái niệm nhà nước 1.1.1. Định nghĩa nhà nước 1.1.2. Đặc trưng của nhà nước 1.2. Nguồn gốc nhà nước 1.3. Kiểu nhà nước 1.3.1. Khái niệm kiểu nhà nước 1.3.2. Các kiểu nhà nước trong lịch sử	1,2	CO1,CO7
Tiết 7-11	**Vấn đề 2: Bản chất, chức năng của nhà nước** 2.1. Bản chất của nhà nước 2.1.1. Các thuộc tính thể hiện bản	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7

	chất của nhà nước 2.1.2. Bản chất của nhà nước Việt Nam hiện nay 2.2. Chức năng của nhà nước 2.2.1. Khái niệm chức năng của nhà nước 2.2.2. Phân loại chức năng của nhà nước 2.3. Sự phát triển của chức năng nhà nước qua các kiểu nhà nước 2.4. Chức năng của nhà nước Việt Nam hiện nay		
Tiết 12-17	**Vấn đề 3: Bộ máy nhà nước** 3.1. Khái niệm bộ máy nhà nước 3.2. Phân loại cơ quan trong bộ máy nhà nước 3.3. Sự phát triển của bộ máy nhà nước qua các kiểu nhà nước 3.4. Bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay 3.4.1. Đặc điểm của bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay 3.4.2. Cơ cấu của bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay 3.4.3. Những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay 3.4.4. Hoàn thiện bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7

	- Làm bài kiểm tra cá nhân.		
Tiết 18-22	**Vấn đề 4: Hình thức nhà nước** 4.1. Khái niệm hình thức nhà nước 4.1.1. Hình thức chính thể 4.1.2. Hình thức cấu trúc nhà nước 4.1.3. Chế độ chính trị 4.2. Sự biến đổi của hình thức nhà nước qua các kiểu nhà nước 4.2.1. Sự biến đổi của hình thức chính thể 4.2.2. Sự biến đổi của hình thức cấu trúc nhà nước 4.2.3. Sự biến đổi của chế độ chính trị 4.3. Hình thức của nhà nước Việt Nam hiện nay	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7
Tiết 23-28	**Vấn đề 5:** Nhà nước trong hệ thống chính trị - Nhà nước pháp quyền 5.1. Nhà nước trong hệ thống chính trị 5.1.1. Khái niệm hệ thống chính trị 5.1.2. Vị trí, vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị 5.1.3. Mối quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức khác trong hệ	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7

	thống chính trị 5.1.4. Nhà nước trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay 5.2. Nhà nước pháp quyền 5.2.1. Khái quát về lịch sử tư tưởng nhà nước pháp quyền 5.2.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền 5.2.3. Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay		
Tiết 29-30	**Ôn tập kết thúc môn**		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	**BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ**
ThS. Nguyễn Chí Dũng	**ThS. Thân Thị Kim Nga**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Lý luận nhà nước và pháp luật 2
Chuyên ngành: Luật kinh tế
Mã học phần: 0101000909
Tổng số tín chỉ: 03
Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết
Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 25	T 5	P 0	O 15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: □

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về pháp luật như khái niệm pháp luật, nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, kiểu, vai trò của pháp luật; quy phạm pháp luật; thực hiện pháp luật; ý thức pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;

M2: Xác định được quá trình vận động và phát triển của pháp luật;

M3: Xác định được bản chất và vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội;

M4: Phân tích được các loại nguồn của pháp luật nói chung và nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay nói riêng;

M5: Xác định được cơ cấu của quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật;

M6: Nêu và phân tích được mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác;

M7: Có được tư duy khoa học và phương pháp nhận thức khoa học về vấn đề pháp luật.

3.2. Về kỹ năng

-Kỹ năng nghề nghiệp

M8: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng pháp luật trong thực tế;

M9: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo đại học luật;

M10: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề lý luận về pháp luật;

M11: Kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá các vấn đề về pháp luật;

-Kỹ năng mềm

M12: Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng;

M13: Có khả năng tự cập nhật kiến thức và có khả năng tự nghiên cứu, học tập suốt đời.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M14: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M15: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

M16: Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá hiện tượng pháp luật trong đời sống xã hội;

M17: Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;

M18: Xác định đúng vị trí, vai trò của lý luận nhà nước và pháp luật trong hệ thống các khoa học pháp lý và các môn học pháp lý trong chương trình đào tạo đại học luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000909	Lý luận NN&PL 2	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	3	0	0	0	2	3	2	3	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		2	3	0	0	2	0	3	1	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 **MT2** **MT3** **MT4** **MT5**	**CO1**	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối ngành về lý luận nhà nước và pháp luật, lịch sử nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp và một số kiến thức cơ bản về kinh tế học từ đó giúp sinh viên có thể giải quyết được những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến	**PO2**

MT6 **MT7**		ngành nghề đào tạo.	
Kỹ năng			
MT8	**CO2**	Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật kinh tế.	**PO6**
MT9 **MT10**	**CO3**	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng pháp luật trong thực tế. Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo đại học luật.	**PO7, PO8**
MT11	**CO4**	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán các quan điểm về nhà nước và pháp luật	**PO9**
MT12 **MT13**	**CO5**	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề lý luận về pháp luật. Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	**PO11, PO12**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT14 **MT15**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	**PO15**
MT16 **MT17** **MT18**	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật.	**PO17, PO18, PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan đến thuật ngữ pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, ngành luật, chế định pháp luật, pháp chế, trách nhiệm pháp lý, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh... Giúp sinh viên đi sâu vào phân tích các khái niệm, phân loại, cấu thành, phân biệt giữa các khái niệm. Nắm vững được kiến thức về quy phạm pháp luật và văn bản pháp luật, phân biệt giữa hệ thống pháp luật và hệ thống các văn bản luật.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7

Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Minh Đoan, *Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật (2020).

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013;

2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-4	**Vấn đề 1: Nguồn gốc, kiểu pháp luật** 1.1. Khái niệm pháp luật 1.1.1. Định nghĩa pháp luật 1.1.2. Đặc trưng của pháp luật 1.2. Nguồn gốc của pháp luật 1.3. Kiểu pháp luật 1.3.1. Khái niệm kiểu pháp luật 1.3.2. Các kiểu pháp luật trong lịch sử	1	CO1,CO7
Tiết	**Vấn đề 2: Pháp luật trong hệ thống công cụ**		

5-8	**điều chỉnh quan hệ xã hội** 2.1. Điều chỉnh quan hệ xã hội và hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội 2.2. Vị trí, vai trò của pháp luật trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội 2.3. Quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội 2.4. Hoàn thiện hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội ở Việt Nam hiện nay		
Tiết 9-12	**Vấn đề 3: Bản chất, vai trò của pháp luật** 3.1. Bản chất của pháp luật 3.1.1. Các thuộc tính thể hiện bản chất của pháp luật 3.1.2. Bản chất của pháp luật Việt Nam hiện nay 3.2. Vai trò của pháp luật	1	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 13-18	**Vấn đề 4: Hình thức và nguồn của pháp luật** 4.1. Hình thức của pháp luật 4.2. Nguồn của pháp luật 4.2.1. Khái niệm nguồn của pháp luật 4.2.2. Các loại nguồn của pháp luật 4.2.2.1. Tập quán pháp 4.2.2.2. Tiền lệ pháp 4.2.2.3. Văn bản quy phạm pháp luật	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	4.2.2.4. Các loại nguồn khác của pháp luật 4.3. Nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay 4.3.1. Các loại nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay 4.3.2. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay 4.4. Hoạt động xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay		
Tiết 19-24	**Vấn đề 5: Quy phạm pháp luật - Hệ thống pháp luật** 5.1. Quy phạm pháp luật 5.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật 5.1.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật 5.1.3. Cách trình bày quy phạm pháp luật 5.2. Hệ thống pháp luật 5.2.1. Khái niệm hệ thống pháp luật 5.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam 5.2.3. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật Việt Nam 5.2.4. Hệ thống hoá pháp luật	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 25-28	**Vấn đề 6: Quan hệ pháp luật** 6.1. Khái niệm quan hệ pháp luật 6.2. Cấu thành quan hệ pháp luật 6.3. Điều kiện làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

Tiết 29-33	**Vấn đề 7: Thực hiện pháp luật và giải thích pháp luật** 7.1. Thực hiện pháp luật 7.2. Áp dụng pháp luật 7.2.1. Khái niệm áp dụng pháp luật 7.2.2. Các trường hợp cần áp dụng pháp luật 7.2.3. Các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật 7.3. Áp dụng pháp luật tương tự 7.4. Giải thích pháp luật	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 34-39	**Vấn đề 8: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý** 8.1. Vi phạm pháp luật 8.1.1. Khái niệm vi phạm pháp luật 8.1.2. Cấu thành vi phạm pháp luật 8.1.3. Phân loại vi phạm pháp luật 8.2. Trách nhiệm pháp lý 8.2.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý 8.2.2. Phân loại trách nhiệm pháp lý 8.2.3. Truy cứu trách nhiệm pháp lý	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 40-43	**Vấn đề 9: Ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý** 9.1. Ý thức pháp luật 9.1.1. Khái niệm, cơ cấu của ý thức pháp luật 9.1.2. Quan hệ giữa ý thức pháp luật với pháp	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	luật 9.1.3. Giáo dục pháp luật 9.2. Văn hóa pháp lý 9.2.1. Khái niệm văn hóa pháp lý 9.2.2. Những yêu cầu cơ bản của văn hóa pháp lý 9.2.3. Tăng cường văn hóa pháp lý ở Việt Nam hiện nay		
Tiết 44-45	**Ôn tập kết thúc môn**		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ
ThS. Nguyễn Chí Dũng	ThS. Thân Thị Kim Nga

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Hiến pháp

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000684

Số tín chỉ: **03**

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 25	T 5	P 0	O 15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1, 2

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: □

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1 Về kiến thức

M1: Xác định được những kiến thức cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

M2: Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, giải thích, đánh giá các sự kiện và các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục, khoa học, công nghệ mang tính thời sự, đặc biệt là về tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, các thiết chế hiến định độc lập;

M3: Xác định được các vấn đề cơ bản trong nội dung pháp luật quốc tịch Việt Nam;

M4: Xác định được cách phân loại và các đặc trưng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

M5: Trình bày được cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Việt Nam qua các bản Hiến pháp;

M6: Phân tích được các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXN chủ nghĩa Việt Nam;

M7: Xác định được mục đích, ý nghĩa và tiến trình của một cuộc bầu cử;

M8: Xác định được cơ cấu tổ chức của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M9: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các môn khoa học pháp lý chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo;

M10: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn;

M11: Hình thành kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin từ nhiều nguồn liên quan đến nghiên cứu khoa học pháp lý chuyên ngành một cách nghiêm túc và khoa học;

M12: Có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật Hiến pháp.

- Kỹ năng mềm

M13: Có khả năng lập luận, tranh luận, khả năng nói chuyện trước đám đông;

M14: Có khả năng tự cập nhật kiến thức, tự học và tự nghiên cứu.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M15: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M16: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

M17: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về bản chất của chế độ xã hội ở Việt Nam. Nhận thức một cách khách quan, mang tính xây dựng về những ưu, nhược điểm của các chế định Luật Hiến pháp hiện hành, trên cơ sở đó hình thành ý thức nghiêm túc về việc hoàn thiện các chế định;

M18: Nhận thức được vai trò quan trọng của Luật Hiến pháp trong hệ thống pháp luật;

M19: Có ý thức nghiên cứu nghiêm túc, khách quan, khoa học trong đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học;

M20: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học trong việc nghiên cứu các môn khoa học tiếp theo.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**									
0101000684	Luật hiến pháp	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	3	0	0	0	1	1	1	2	2
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		1	0	0	0	2	0	0	1	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	**CĐR của HP**	**Nội dung CĐR của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức			

MT1 **MT2** **MT3** **MT4** **MT5** **MT6** **MT7** **MT8**	**CO1**	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối ngành về luật hiến pháp. Xác định được những kiến thức cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	**PO2**
Kỹ năng			
MT9	**CO2**	Có khả năng phân tích cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước Việt Nam qua các bản Hiến pháp.	**PO6**
MT10 **MT11**	**CO3**	Hình thành kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin từ nhiều nguồn liên quan đến nghiên cứu khoa học pháp lý chuyên ngành một cách nghiêm túc và khoa học.	**PO7, PO8**
MT12	**CO4**	Nắm được cơ cấu tổ chức của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân.	**PO9**
MT13 **MT14**	**CO5**	Có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật Hiến pháp. Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	**PO10, PO11**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT15 **MT16**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	**PO15**

MT17 **MT18** **MT19** **MT20**	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	**PO17, PO18, PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Trang bị cho sinh viên kiên thức cơ bản về ngành Luật Hiến Pháp. Giúp sinh viên tìm hiểu về Hiến Pháp nước CHXHCN Việt Nam qua các thời kỳ. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về các vấn đề quan trọng của ngành Luật Hiến Pháp như hiểu biết về chế độ chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, các vấn đề cơ bản của công dân, quyền con người... được ghi nhận trong Hiến Pháp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	**Mục đích**	**CĐR của HP đạt được**
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

khảo		

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Thái Vĩnh Thắng, Tô Văn Hòa (chủ biên), Lê Minh Tâm (2018), *Giáo trình luật hiến*

pháp Việt Nam, Nxb Tư pháp;

2. Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), *Tòa án Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà mước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội;
2. Nguyễn Mạnh Hùng-Lưu Đức Quang-Nguyễn Văn Trí (2014), *Xây dựng và bảo vệ Hiến pháp-Kinh nghiệm thế giới và Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-3	**Vấn đề 1: Những vấn đề cơ bản về Luật Hiến pháp** 1.1. Ngành luật Hiến pháp Việt Nam 1.1.1. Đối tượng điều chỉnh 1.1.2. Phương pháp điều chỉnh 1.1.3. Quy phạm pháp luật luật Hiến pháp 1.1.4. Quan hệ pháp luật luật Hiến pháp 1.1.5. Nguồn của Luật Hiến pháp 1.1.6. Hệ thống ngành luật Hiến pháp 1.1.7. Vị trí của Luật Hiến pháp trong hệ thống pháp luật 1.2. Khoa học luật Hiến pháp Việt Nam 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu	1,2	CO1,C07

	1.2.3. Hệ thống khoa học luật Hiến pháp 1.2.4. Vị trí của khoa học luật Hiến pháp 1.3. Môn học Luật Hiến pháp Việt Nam		
Tiết 4-6	**Vấn đề 2: Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam** 2.1. Những vấn đề cơ bản về Hiến pháp 2.1.1. Sự ra đời của Hiến pháp 2.1.2. Khái niệm Hiến pháp 2.1.3. Phân loại Hiến pháp 2.2. Lịch sử lập hiến Việt Nam 2.2.1. Tư tưởng lập hiến Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 2.2.2. Hiến pháp năm 1946 2.2.3. Hiến pháp năm 1959 2.2.4. Hiến pháp năm 1980 2.2.5. Hiến pháp năm 1992 2.2.6. Hiến pháp năm 2013	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 7-9	**Vấn đề 3: Chế độ chính trị của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam** 3.1. Khái niệm chế độ chính trị 3.2. Quyền dân tộc cơ bản 3.3. Chính thể của Nhà nước Việt Nam	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	3.4. Bản chất của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 3.5. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 3.6. Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh, Thủ đô		
Tiết 10-12	**Vấn đề 4: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân** 4.1. Khái niệm quyền con người 4.2. Khái niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân 4.3. Các nguyên tắc Hiến pháp của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 4.4. Quyền và nghĩa vụ của mọi người và công dân theo Hiến pháp năm 2013 4.5. Sự phát triển của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các bản Hiến pháp Việt Nam	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 13-15	**Vấn đề 5: Chính sách kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường của Nhà nước** 5.1. Chính sách kinh tế	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	5.2. Chính sách xã hội 5.3. Chính sách văn hoá, giáo dục 5.4. Chính sách khoa học, công nghệ 5.5. Chính sách môi trường		
Tiết 16-18	**Vấn đề 6: Chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh quốc gia** 6.1. Chính sách đối ngoại 6.1.1. Khái niệm về chính sách đối ngoại 6.1.2. Các nguyên tắc Hiến pháp của chính sách đối ngoại 6.1.3. Nội dung của chính sách đối ngoại 6.2. Chính sách quốc phòng và an ninh quốc gia 6.2.1. Nguyên tắc Hiến pháp xây dựng nền quốc phòng, an ninh quốc gia 6.2.2. Nhiệm vụ lực lượng vũ trang nhân dân 6.2.3. Trách nhiệm của Nhà nước và xã hội đối với quốc phòng, an ninh quốc gia	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 19-21	**Vấn đề 7: Chế độ bầu cử** 7.1. Khái niệm 7.2. Các nguyên tắc bầu cử	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	7.3. Tiến trình cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND 7.4. Bãi nhiệm, miễn nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND 7.5. Vai trò của MTTQ trong quá trình bầu cử		
Tiết 22-24	**Vấn đề 8: Bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam** 8.1. Khái niệm 8.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước 8.3. Bộ máy nhà nước theo các bản Hiến pháp Việt Nam.	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 25-27	**Vấn đề 9: Quốc hội** 9.1. Vị trí, tính chất, chức năng của Quốc hội 9.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội 9.3. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội 9.4. Các hình thức hoạt động của Quốc hội	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 29-30	**Vấn đề 10. Chủ tịch nước** 10.1. Sự hình thành và phát triển của chế định nguyên thủ quốc gia trong lịch sử lập hiến Việt Nam 10.2. Chế định Chủ tịch nước theo Hiến pháp năm 2013	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	10.3. Vị trí, tính chất của Chủ tịch nước 10.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước 10.5. Hội đồng quốc phòng và an ninh		
Tiết 31-33	**Vấn đề 11. Chính phủ** 11.1. Vị trí, tính chất của Chính phủ 11.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ 11.3. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ 11.4. Các hình thức hoạt động của Chính phủ	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 34-36	**Vấn đề 12. Tòa án nhân dân** 12.1. Chức năng, nhiệm vụ của tòa án nhân dân 12.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân 12.3. Hệ thống và cơ cấu tổ chức của tòa án nhân dân 12.4. Thẩm phán, thẩm tra viên, thư ký tòa án và hội thẩm	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 37-39	**Vấn đề 13. Viện kiểm sát nhân dân** 13.1. Chức năng, nhiệm vụ của viện kiểm sát nhân dân	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	13.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nhân dân 13.3.Hệ thống và cơ cấu tổ chức của viện kiểm sát nhân dân 13.4.13.4. Kiểm sát viên, điều tra viên và kiểm tra viên viện kiểm sát nhân dân		
Tiết 40-42	**Vấn đề 14. Chính quyền địa phương** 14.1. Hội đồng nhân dân 14.1.1.Vị trí, tính chất, chức năng của hội đồng nhân dân 14.1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nhân dân 14.1.3. Cơ cấu tổ chức của hội đồng nhân dân 14.1.4. Các hình thức hoạt động của hội đồng nhân dân 14.2. Uỷ ban nhân dân 14.2.1.Vị trí, tính chất, chức năng của uỷ ban nhân dân 14.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của uỷ ban nhân dân 14.2.3. Cơ cấu tổ chức của uỷ ban nhân dân 14.2.4. Các hình thức hoạt động của uỷ ban nhân dân	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 43-45	**Vấn đề 15. Các cơ quan hiến**	1,2	CO1,CO2,CO3

	định độc lập 15.1. Khái niệm cơ quan hiến định độc lập 15.2. Hội đồng bầu cử quốc gia 15.3. Kiểm toán nhà nước		CO4,CO5,CO6 CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	**BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ**
ThS. Nguyễn Chí Dũng	**ThS. Thân Thị Kim Nga**

/BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Hành chính

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 010100067603

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 25	T 5	P 0	O 15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Nêu được những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn quản lý hành chính nhà nước và pháp luật về quản lý hành chính nhà nước;

M2: Xác định được quan hệ xã hội và địa vị pháp lý của các chủ thể trong quan hệ pháp luật hành chính; mô tả được hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hành chính nhà nước; quy chế pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;

M3: Phân tích được các hình thức quản lý hành chính nhà nước: thủ tục hành chính, quyết định hành chính; vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính; các biện pháp đảm bảo thực hiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước;

M4: Phân tích được mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước;

MT5: Xác định được những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về quản lý hành chính nhà nước vào thực tiễn.

3.2. Về kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

MT6: Có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác những văn bản pháp luật về quản lý hành chính nhà nước;

MT7: Có khả năng vận dụng pháp luật vào thực tiễn quản lý hành chính nhà nước;

MT8: Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật; có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực hành chính.

MT9: Có khả năng đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động quản lý hành chính nhà nước đang diễn ra trên thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.

3.2.2. Kỹ năng mềm

MT10: Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình;

MT11: Có khả năng thuyết trình và làm việc nhóm;

MT12: Có khả năng tự nghiên cứu, tự học và cập nhật kiến thức.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

MT13: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

MT14: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

MT15: Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các quyết định của chủ thể có thẩm quyền trong quản lý hành chính nhà nước; Có quan điểm đúng về nền hành chính ở Việt Nam hiện nay; Tích cực đấu tranh bảo vệ công lý; Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn về quản lý hành chính nhà nước.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	**Tên HP**		**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**								
	Luật Hành chính	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục	**CĐR**	**Nội dung CĐR của học phần**	**CĐR của CTĐT**

tiêu HP	của HP	Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	
Kiến thức			
MT1 **MT2** **MT3** **MT4** **MT5**	**CO1**	Hiểu, đánh giá, phân tích, so sánh được được những vấn đề chung về luật hành chính; về quản lý nhà nước; quy chế hoạt động của cơ quan nhà nước; về thủ tục hành chính; các quy định về công chứng, viên chức; về kỷ luật; về khiếu nại, tố cáo.	**PO3**
Kỹ năng			
MT6	**CO2**	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hành chính	**PO6**
MT7 **MT8**	**CO3**	Có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực pháp luật hành chính	**PO7**
MT8	**CO4**	Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hành chính.	**PO8**
MT10	**CO5**	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	**PO9,11,12**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 **MT12** **MT13** **MT14**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề	**PO15, PO16, PO17, PO18**

		nghiệp;Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	
MT15	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Ngành Luật hành chính; quản lý nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm soát (giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán), đối với hoạt động quản lý nhà nước; giải quyết tranh chấp pháp lý phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước. Những kiến thức này là cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả, hiệu lực và bảo hộ tích cực các quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý nhà nước. Luật hành chính Việt Nam còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Luật tố tụng hành chính, Xây dựng văn bản pháp luật, Luật đất đai, Luật tài chính, Luật lao động, Luật môi trường và Luật hôn nhân và gia đình.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	**Mục đích**	**CĐR của HP đạt được**
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**

	nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	**Trọng số (%)**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR của HP**	**Điểm tối đa**
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7

Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình luật hành chính Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2015.

2. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

3. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Luật Hành chính nước ngoài*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội;

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1- 2	**Chương 1. Quản lý và quản lý nhà nước** 1.1. Khái niệm quản lý, quản lý nhà nước và quản lý hành chính nhà nước 1.2. Điều kiện để tiến hành quản lý, quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước 1.3. Chủ thể quản lý, quản lý nhà nước,	1,2,3 1	CO1, CO5, CO6, CO7

	quản lý hành chính nhà nước 1.4. Khách thể quản lý, quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước		
Tiết 3 - 4	**Chương 2. Ngành luật hành chính Việt Nam, khoa học luật hành chính, học phần luật hành chính** 2.1. Ngành luật hành chính 2.1.1. Đối tượng điều chỉnh 2.1.2. Phương pháp điều chỉnh 2.1.3. Phân biệt luật hành chính với một số ngành luật khác 2.1.4. Nguồn của luật hành chính 2.1.5. Hệ thống ngành luật hành chính 2.2. Khoa học luật hành chính Việt Nam 2.3. Học phần luật hành chính	1,2,3	CO1, CO5, CO6, CO7
Tiết 5 - 6	**Chương 3. Quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính** 3.1. Quy phạm pháp luật hành chính 3.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật hành chính 3.1.2. Phân loại các quy phạm pháp luật hành chính 3.1.3. Thực hiện quy phạm pháp luật hành chính 3.2. Quan hệ pháp luật hành chính 3.2.1. Khái niệm quan hệ pháp luật hành	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7

	chính 3.2.2. Phân loại quan hệ pháp luật hành chính 3.2.3. Chủ thể, khách thể của quan hệ pháp luật hành chính 3.2.4. Cơ sở làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật hành chính		
Tiết 7 - 10	**Chương 4. Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước** 4.1. Khái niệm và hệ thống các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Hệ thống các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước 4.2. Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước 4.2.1. Các nguyên tắc chính trị-xã hội 4.2.1.1. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo 4.2.1.2. Nguyên tắc nhân dân lao động tham gia đông đảo vào quản lý hành chính nhà nước 4.2.1.3. Nguyên tắc tập trung dân chủ 4.2.1.4. Nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc 4.2.1.5. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa	1,2,3	CO1, CO4, CO5, CO6, CO7

	4.2.2. Các nguyên tắc tổ chức-kỷ luật 4.2.2.1. Nguyên tắc quản lý theo ngành, chức năng kết hợp với quản lý theo địa phương 4.2.2.2. Nguyên tắc quản lý theo ngành kết hợp với quản lý theo chức năng và phối hợp quản lý liên ngành		
Tiết 11– 13	**Chương 5. Hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước** 5.1. Khái niệm và phân loại hình thức quản lý hành chính nhà nước 5.2. Các hình thức quản lý hành chính nhà nước 5.2.1. Hình thức ban hành văn bản quy phạm pháp luật 5.2.2. Hình thức ban hành văn bản áp dụng quy phạm pháp luật 5.2.3. Hình thức thực hiện các hoạt động khác mang tính chất pháp lý 5.2.4. Hình thức áp dụng những biện pháp tổ chức trực tiếp 5.2.5. Hình thức thực hiện những tác động về nghiệp vụ 5.3. Khái niệm và các yêu cầu đối với phương pháp quản lý hành chính nhà nước 5.4. Các phương pháp quản lý hành chính nhà nước	1,2,3	CO1, CO5, CO6, CO7

	5.4.1. Phương pháp thuyết phục và phương pháp cưỡng chế trong quản lý hành chính nhà nước 5.4.2. Phương pháp hành chính và phương pháp kinh tế trong quản lý hành chính nhà nước		
Tiết 14-15	**Chương 6. Thủ tục hành chính** 6.1. Khái niệm thủ tục hành chính, các nguyên tắc xây dựng và thực hiện thủ tục hành chính 6.1.1. Khái niệm thủ tục hành chính 6.1.2. Các nguyên tắc xây dựng và thực hiện thủ tục hành chính 6.2. Chủ thể của thủ tục hành chính 6.3. Các loại thủ tục hành chính 6.4. Các giai đoạn của thủ tục hành chính 6.5. Cải cách thủ tục hành chính	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Tiết 16-17	**Chương 7. Quyết định hành chính** 7.1. Khái niệm và đặc điểm của quyết định hành chính 7.2. Trình tự xây dựng và ban hành quyết định hành chính quy phạm 7.3. Yêu cầu về tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Tiết 18-23	**Chương 8. Quy chế pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước**	1,2,3	CO1, CO2, CO3,

	8.1. Khái niệm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước 8.1.1. Khái niệm cơ quan hành chính nhà nước 8.1.2. Phân loại cơ quan hành chính nhà nước 8.2. Quy chế pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước 8.2.1. Chính phủ 8.2.2. Bộ, cơ quan ngang bộ 8.2.3. Uỷ ban nhân dân các cấp 8.3. Cải cách bộ máy hành chính - Nội dung quan trọng của cải cách hành chính 8.3.1. Đường lối, chủ trương của Đảng cộng sản Việt Nam về cải cách hành chính; nội dung của cải cách hành chính 8.3.2. Mục tiêu của cải cách bộ máy hành chính 8.3.3. Quan điểm cải cách bộ máy hành chính 8.3.4. Phương hướng cải cách bộ máy hành chính 8.3.5. Các giải pháp cải cách bộ máy hành chính		CO4, CO5, CO6, CO7
Tiết 24-29	**Vấn đề 9. Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức**	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,

	9.1. Khái niệm cán bộ, công chức 9.2. Công vụ và các nguyên tắc của chế độ công vụ 9.3. Các hình thức hình thành và bổ sung đội ngũ cán bộ, công chức 9.4. Quyền lợi, nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức 9.5. Khen thưởng đối với cán bộ, công chức 9.6. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức		CO7
Tiết 30-32	**Chương 10. Quy chế pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội** 10.1. Khái niệm và đặc điểm của tổ chức xã hội 10.2. Các loại tổ chức xã hội 10.2.1. Tổ chức chính trị 10.2.2. Tổ chức chính trị-xã hội 10.2.3. Tổ chức xã hội nghề nghiệp 10.2.4. Tổ chức tự quản 10.2.5. Tổ chức được thành lập theo dấu hiệu nghề nghiệp, sở thích và các dấu hiệu khác 10.3. Quy chế pháp lý hành chính của tổ chức xã hội 10.3.1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức xã	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

	hội trong mối quan hệ với cơ quan nhà nước 10.3.2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức trong hoạt động xây dựng pháp luật 10.3.3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức trong hoạt động thực hiện pháp luật		
Tiết 33	**Chương 11. Quy chế pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài** 11.1. Quy chế pháp lý hành chính của công dân 11.1.1. Khái niệm và đặc điểm của quy chế pháp lý hành chính của công dân 11.1.2. Quy chế pháp lý hành chính của công dân 11.2. Quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài 11.2.1. Khái niệm và phân loại người nước ngoài 11.2.2. Quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài, người không quốc tịch	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Tiết 34-36	**Chương 12. Vi phạm hành chính** 12.1. Khái niệm vi phạm hành chính 12.1.1. Định nghĩa vi phạm hành chính 12.1.2. Đặc điểm của vi phạm hành chính 12.2. Cấu thành của vi phạm hành chính 12.2.1. Mặt khách quan	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

	12.2.2. Mặt chủ quan 12.2.3. Chủ thể của vi phạm hành chính 12.2.4. Khách thể của vi phạm hành chính 12.3. Phân biệt vi phạm hành chính với tội phạm 12.3.1. Định nghĩa vi phạm hành chính và tội phạm 12.3.2. Về dấu hiệu hành vi 12.3.3. Về dấu hiệu lỗi 12.3.4. Về dấu hiệu chủ thể 12.3.5. Về dấu hiệu khách thể		
Tiết 37-38	**Chương 13. Trách nhiệm hành chính** 13.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm hành chính 13.2. Xử phạt vi phạm hành chính 13.3. Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Tiết 39-40	**Chương 14. Các biện pháp cưỡng chế hành chính** 14.1. Các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra 14.2. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt 14.3. Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

	14.4. Các biện pháp xử lý hành chính 14.5. Các biện pháp phòng ngừa hành chính 14.6. Các biện pháp áp dụng trong trường hợp cần thiết vì lý do an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia		
Tiết 41 - 43	**Chương 15. Những biện pháp pháp lý bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước** 15.1. Khái niệm bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước 15.2. Yêu cầu bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước 15.3. Các biện pháp pháp lý bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước 15.3.1. Hoạt động giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước 15.3.2. Hoạt động kiểm tra của cơ quan hành chính nhà nước 15.3.3. Hoạt động xét xử của toà án nhân dân 15.3.4. Hoạt động thanh tra nhà nước, thanh tra nhân dân 15.3.5. Hoạt động kiểm tra xã hội 15.3.6. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tiết 44-45	**Ôn tập kết thúc môn**	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	**BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ**
ThS. Nguyễn Chí Dũng	**ThS. Thân Thị Kim Nga**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Dân sự 1

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 010100067603

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 25	T 5	P 0	O 15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: □

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Xác định được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự, xác định được tính đặc thù của phương pháp điều chỉnh của luật dân sự; hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật dân sự.

M2: Xác định được những yếu tố cơ bản của quan hệ pháp luật dân sự, căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự; xác định được các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự;

M3: Mô tả được khái niệm và đặc điểm của giao dịch dân sự, xác định được điều

kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu; xác định được các loại thời hạn, thời hiệu; hiểu được những vấn đề pháp lý liên quan đến đại diện;

M4: Mô tả được khái niệm, xác định được cách phân loại tài sản; nội dung quyền sở hữu; các hình thức sở hữu; căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu; bảo vệ quyền sở hữu và các quy định khác về quyền sở hữu;

M5: Xác định được các quy định chung về thừa kế, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu, tài sản, sở hữu, thừa kế.

M7: Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến giao dịch dân sự, quyền sở hữu và thừa kế.

M8: Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về giao dịch dân sự, đại diện, giám hộ, thời hạn, thời hiệu, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế;

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP		Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
0101000676O3	Pháp luật về quyền con người	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	**CO1**	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định chung của Luật dân sự, các quy định về tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; các quy định pháp luật về thừa kế.	PO3
Kỹ năng			
MT6	**CO2**	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực luật dân sự	PO6
MT7	**CO3**	Có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn có liên quan đến các vấn đề chung về luật dân sự; tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác có liên quan đến tài sản; thừa kế	PO7
MT8	**CO4**	Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật có liên quan đến các quy định chung của luật dân sự; quy định pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản và thừa kế	PO8
MT9 MT10	**CO5**	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18

MT15	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần luật Dân sự 1 trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, khái niệm luật dân sự; các nguyên tắc cơ bản của luật dân sự, thời hạn, thời hiệu; các kiến thức về giám hộ, đại diện.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác về tài sản, các kiến thức pháp luật về thừa kế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	**Mục đích**	**CĐR của HP đạt được**
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.

- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.

- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2016), *Giáo những quy định chung về luật dân sự*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM

2. Trường Đại học Luật TP.HCM (2022), *Giáo trình pháp luật về tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM

3. Bộ luật Dân sự năm 2015

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Đình Nghị (2011), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội;

2. Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb Hồng Đức, TP.HCM.

3. Hoàng Thế Liên (2013), *Bình luận khoa học bộ luật dân sự năm 2005* - Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-5	***Vấn đề 1:* Khái niệm chung luật dân sự Việt Nam** 1.1. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh luật dân sự 1.2. Khái niệm luật dân sự	1,3	CO1, CO7

	1.4.Quan hệ pháp luật dân sự 1.5. Áp dụng pháp luật dân sự 1.6. Nguồn của duật dân sự		
Tiết 6-8	***Vấn đề 2:* Cá nhân - chủ thể quan hệ pháp luật dân sự.** 2.1. Năng lực chủ thể của cá nhân 2.2. Giám hộ 2.3. Tuyên bố một người mất tích, đã chết	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 9-11	***Vấn đề 3:* Pháp nhân và các chủ thể khác của quan hệ pháp luật dân sự** 3.1. Khái niệm và các điều kiện trở thành pháp nhân. 3.2. Thành lập pháp nhân. 3.3. Các yếu tố lý lịch của pháp nhân 3.4. Cải tổ, chấm dứt pháp nhân. *Làm bài kiểm tra cá nhân*	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 12 – 16	***Vấn đề 4:* Giao dịch dân sự** 4.1. Khái niệm, phân loại giao dịch dân sự 4.2. Điều kiện có hiệu lực 4.3. Giao dịch dân sự vô hiệu.	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 17-20	***Vấn đề 5:* Đại diện, thời hạn và thời hiệu** 5.1. Đại diện 5..2. Thời hạn 5.3. Thời hiệu	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 21-23	***Vấn đề 6*: Khái niệm, phân loại tài sản** 6.1. Khái niệm tài sản 6.2. Phân loại tài và ý nghĩa của việc phân loại tài sản.	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 24-26	***Vấn đề 7*: Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản** 7.1. Khái niệm quyền sở hữu 7.2. Nội dung quyền sở hữu. 7.3. Quyền khác đối với tài sản	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

Tiết 27-29	*Vấn đề 8:* **Hình thức sở hữu** 7.1. Sở hữu toàn dân 7.2. Sở hữu riêng 7.3. Sơ hữu chung	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 30-32	*Vấn đề 9:* **Căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu** 9.1. Căn cứ xác lập quyền sở hữu 9.2. Căn cứ chấm dứt quyền sở hữu	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 33-35	*Vấn đề 10:* **Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu và các quy định khác về quyền sở hữu** 10.1. Chủ sở hữu tự bao vệ quyền sơ hữu 10.2. Kiện yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở, xâm phạm quyền sơ hữu. 7.3. Kiện đòi tài sản 7.4. Kiện đòi bồi thường thiệt hại.	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 36-38	*Vấn đề 11:* **Những quy định chung về thừa kế** 11.1. Khái niệm thừa kế 11.2. Thời điểm, địa điểm mở thừa kế. 11.3. Di sản thừa kế 11.4. Người thừa kế 11.5. Các trường hợp không có quyền hưởng di sản 11.6. Thời hiệu khởi kiện về thừa kế	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 39-41	*Vấn đề 12:* **Thừa kế theo di chúc** 12.1. Khái niệm di chúc 12.1. Hình thức di chúc 12.3. Điều kiện có hiệu lực của di chúc 12.4. Quyền, nghĩa vụ người lập di chúc 1.2.5. Thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 42-45	*Vấn đề 13:* **Thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản thừa kế**	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	13.1. Khái niệm thừa kế theo pháp luật. 13.2. Các trường hợp thừa kế theo pháp luật. 13.3. Diện thừa kế, hàng thừa kế 13.4. Phân chia di sản **ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN**		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	**BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ**
ThS. Nguyễn Chí Dũng	**ThS. Thân Thị Kim Nga**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật dân sự 2

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000677

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 25	T 5	P 0	O 15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật dân sự 1

Học phần học trước: Luật dân sự 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Hiểu và vận dụng được các vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự như khái niệm, đặc điểm nghĩa vụ dân sự, phân loại nghĩa vụ dân sự; căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ dân sự.

M2: Hiểu và vận dụng được các vấn đề lý luận và các quy định của pháp luật về hợp đồng như khái niệm, đặc điểm hợp đồng; phân loại hợp đồng; các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, nội dung và hình thức hợp đồng, quy định pháp luật về các hợp đồng

dân sự thông dụng.

M3: Hiểu và vận dụng được các quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; quy định pháp luật về các trường hợp bồi thường cụ thể.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M4: Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật trong lĩnh vực dân sự; Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ và hợp đồng.

M5: Vận dụng được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, nghĩa vụ ngoài hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế.

M6: Bước đầu hình thành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng; kỹ năng tư vấn pháp luật về hợp đồng dân sự và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Kỹ năng mềm

M7: Hình thành kỹ năng phản biện, lập luận; kỹ năng tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân.

M8: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M9: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M10: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

M11: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

M12: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M13: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP		Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000677	Luật Dân sự 2	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	0	3	0	0	3	2	3	2	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 **MT2** **MT3**	**CO1**	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định của Luật dân sự, các quy định về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	**PO3**
Kỹ năng			
MT4	**CO2**	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực luật dân sự	**PO6**
MT5	**CO3**	Vận dụng được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, nghĩa vụ ngoài hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế.	**PO7**

MT6	**CO4**	Bước đầu hình thành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng; kỹ năng tư vấn pháp luật về hợp đồng dân sự và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.	**PO8**
MT7 **MT8**	**CO5**	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	**PO9,11,12**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT19 **MT10** **MT11** **MT12**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	**PO15, PO16, PO17, PO18**
MT13	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên lý nền tảng về luật nghĩa vụ - một trong những lĩnh vực đặc trưng và quan trọng nhất của luật tư. Nội dung của học phần gồm các lý thuyết chung về nghĩa vụ, lý thuyết về luật hợp đồng, lý thuyết về luật trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, và lý thuyết về các căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ khác.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3, CO4, CO5, CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa

Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Phạm văn Tuyết – Trần Thị Huệ (2022), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam tập 2*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

2. Đinh Văn Thanh (2018), *Giáo trình luật dân sự 2*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

3. Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm nghĩa vụ dân sự.

5. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Đình Nghị (2011), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội;

2. Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb Hồng Đức, TP.HCM.

3. Hoàng Thế Liên (2013), *Bình luận khoa học bộ luật dân sự năm 2005* - Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-5	*Vấn đề 1:* **Khái quát chung về nghĩa vụ dân sự** 1.1. Khái niệm, đặc điểm nghĩa vụ dân sự 1.2. Đối tượng nghĩa vụ dân sự 1.3. Phân loại nghĩa vụ dân sự.	1,3	CO1, CO7
Tiết 21 - 26	*Vấn đề 2:* **Xác lập, thực hiện, chấm dứt nghĩa vụ dân sự và trách nhiệm dân sự** 2.1. Căn cứ xác lập, chấm dứt nghĩa vụ dân sự 2.2. Thay đổi chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ 2.3 Thực hiện nghĩa vụ dân sự 2.4. Trách nhiệm dân sự.	1,3	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7
Tiết 13-20	*Vấn đề 3:* **Quy định chung về hợp đồng.** 3.1. Khái niệm, đặc điểm, 3.2. Phân loại hợp đồng 3.3. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng 3.4. Hợp đồng vô hiệu 3.5. Giao kết hợp đồng 3.7. Thực hiện hợp đồng 3.8. Chấm dứt hợp đồng 3.9. Trách nhiệm do vi phạm	1,3	CO1, CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	hợp đồng *Làm bài kiểm tra cá nhân*		
Tiết 20 – 26	***Vấn đề 4:* Các hợp đồng chuyển quyền sở hữu (vấn đề 4 + vấn đề 5)** 4.1. Hợp đồng mua bán tài sản 4.2. Hợp đồng tặng cho tài sản 4.3. Hợp đồng vay tài sản 4.5 Hợp đồng trao đổi tài sản	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 27-29	***Vấn đề 5:* Các hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản.** 5.1. Hợp đồng thuê, thuê khoán 5.2. Hợp đồng mượn tài sản 5.3. Hợp đồng gửi giữ	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 30-32	***Vấn đề 6*: Hợp đồng có đối tượng là công việc** 6.1. Hợp đồng ủy quyền 6.2. Hợp đồng dịch vụ 6.3. Hợp đồng vận chuyển 6.4. Hợp đồng gia công	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 33-35	***Vấn đề 7*: Nghĩa vụ ngoài hợp đồng** 7.1. Hứa thưởng 7.2. Thi có giải 7.3. Thực hiện công việc không có ủy quyền. 7.4. Nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

Tiết 36-39	*Vấn đề 8:* **Khái quát chung về trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng.** 8.1. Khái niệm, đặc điểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. 8.2. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 8.3. Nguyên tắc bồi thường. 8.4. Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường 8.5. Xác định thiệt hại. 8.6. Thời hiệu khởi kiện	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 40-42	*Vấn đề 9:* **Trách nhiệm bồi thường do hành vi con người gây ra.** 9.1. Bồi thường do người của pháp nhân gây ra 9.2. Bồi thường thiệt hại do người làm công người học nghề gây ra 9.3. Bồi thường do vượi quá giới hạn phòng vệ chính đáng. 9.4. Bồi thường thiệt hại do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết. 9.5. Bồi thường thiệt hại do cán bộ công chức gây ra khi thi hành công vụ. 9.6. Bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi	2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	trường. 9.7 Bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng.		
Tiết 43-45	***Vấn đề 10:*** **Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản gây ra** 10.1. Bồi thường thiệt hại do công tình xây dựng gây ra 1.0.2. Bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra 10.3. Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra **ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN**	2,3	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.
-

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	**BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ**
ThS. Nguyễn Chí Dũng	**ThS. Thân Thị Kim Nga**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Tố tụng Dân sự

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000700

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 25	T 5	P 0	O 15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Học phần học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

MT1: Mô tả được khái niệm, nhiệm vụ, nguồn của luật tố tụng dân sự; khái niệm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự và địa vị pháp lý của các chủ thể trong tố tụng dân sự; các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự.

MT2: Xác định được các loại vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án, thẩm quyền của toà án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức khác; việc phân định thẩm quyền giữa các toà án theo cấp và theo lãnh thổ.

MT3: Mô tả được khái niệm chứng minh, đối tượng chứng minh, phương tiện chứng minh và các hoạt động chứng minh; khái niệm, thuộc tính của chứng cứ, các loại chứng cứ trong tố tụng dân sự.

MT4: Mô tả được khái niệm, bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và nhận diện được các biện pháp khẩn cấp tạm thời cụ thể.

MT5: Mô tả được khái niệm, bản chất và ý nghĩa của án phí, lệ phí; các loại án phí, lệ phí và nguyên tắc xác định người phải chịu án phí, lệ phí và các chi phí về tố tụng.

MT6: Nhận thức được trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại toà án. Phân biệt được sự khác nhau giữa trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự với trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

MT7: Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật tố tụng dân sự.

MT8: Vận dụng được những quy định của pháp luật để phân tích, giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự.

- Kỹ năng mềm

MT9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phản biện.

MT10: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

MT11: Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp.

MT12: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

3.4. Về thái độ

MT13: Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, sứ mạng của người cán bộ pháp lý trong tương lai; luôn nhạy bén với cái mới, chủ động thích ứng với thay đổi.

MT14: Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lý.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP		Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000700	Luật tố tụng dân sự	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 MT6	**CO1**	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định chung của kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại Toà án.	**PO3**
Kỹ năng			
MT7	**CO2**	Cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật tố tụng dân sự.	**PO6**
MT8	**CO3**	Có khả năng Vận dụng được những quy định của pháp luật để phân tích, giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự.	**PO7, PO8**
MT9 MT10	**CO4**	Có khả năng tranh luận, thuyết trình, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	**PO9,11,12**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12	**CO5**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng	**PO15, PO16, PO17, PO18**

		dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	
MT13 **MT14**	**CO6**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật.	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Luật tố tụng dân sự là môn học cơ bản của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại Toà án.

Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lý luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tống đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	**Mục đích**	**CĐR của HP đạt được**
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**

Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

2. Nguyễn Thị Hoài Phương (2014), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

3. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hoài Phương (2016), *Bình luận những điểm mới trong Bộ luật tố tụng dân sự 2015*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

2. Đỗ Văn Đại (2010), *Tuyển tập các bản án quyết định của Toà án nhân dân VN về tố tụng dân sự,* Nxb.Lao động, TP.HCM.

3. Lê Hồng Hải (2016), *Hướng dẫn giải quyết tranh chấp các vụ án dân sự,* Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-3	***Vấn đề 1:* Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự Việt Nam** 1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự Việt Nam 1.2. Nhiệm vụ và nguồn của luật tố tụng dân sự Việt Nam 1.3. Quá trình phát triển của luật tố tụng dân sự Việt Nam 1.4. Khoa học luật tố tụng dân sự và hệ thống môn học 1.5. Khái niệm, đặc điểm và thành phần quan hệ pháp luật tố tụng dân sự 1.6. Khái niệm và nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự Việt Nam	1,2,3	CO1,CO7
Tiết 4-6	***Vấn đề 2:* Thẩm quyền của toà án nhân dân** 2.1. Khái niệm và cơ sở xác định thẩm quyền của toà án 2.2. Những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền của toà án	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	2.3. Sự phân định thẩm quyền giữa các toà án 2.4. Chuyển vụ việc dân sự cho toà án khác; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền; tách và nhập vụ án dân sự		
Tiết 7-9	***Vấn đề 3:* Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự** 3.1. Khái niệm, đặc điểm và thành phần cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự 3.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng dân sự; căn cứ, thẩm quyền và thủ tục thay đổi người tiến hành tố tụng 3.3. Quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng dân sự	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 10-12	***Vấn đề 4:* Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự** 4.1. Khái niệm, ý nghĩa, chủ thể, nghĩa vụ và đối tượng chứng minh trong tố tụng dân sự và những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh 4.2. Khái niệm, đặc điểm, nguồn, thu thập chứng cứ, bảo quản, bảo vệ chứng cứ, đánh giá và sử dụng chứng cứ	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	- Làm bài kiểm tra cá nhân		
Tiết 13-18	*Vấn đề 5:* **Biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu** 5.1. Khái niệm, ý nghĩa, quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; thẩm quyền, thủ tục áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; khiếu nại, kiến nghị về quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ hoặc không áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời và trách nhiệm do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng 5.2. Các văn bản tố tụng phải được cấp, tống đạt, thông báo; nghĩa vụ, trách nhiệm, người được và người thực hiện việc cấp, tống đạt hoặc thông báo văn bản tố tụng; các phương thức cấp, tống đạt hoặc thông báo văn bản tố tụng và thủ tục cấp, tống đạt hoặc thông báo văn bản tố tụng. 5.3. Khái niệm, các loại thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 19-24	*Vấn đề 6*: **Án phí, lệ phí và chi phí tố tụng**	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	6.1. Khái niệm, ý nghĩa, các loại án phí, lệ phí; mức án phí, lệ phí; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí; nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm, phúc thẩm, lệ phí và miễn, giảm án phí, lệ phí 6.2. Khái niệm và nội dung các quy định của pháp luật về chi phí tố tụng		
Tiết 25-30	*Vấn đề 7*: **Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại toà án cấp sơ thẩm** 7.1. Khái niệm, ý nghĩa, điều kiện, phạm vi và hình thức khởi kiện vụ án dân sự 7.2. Khái niệm, ý nghĩa và thủ tục thụ lý vụ án dân sự; căn cứ và thủ tục trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự 7.3. Chuẩn bị xét xử vụ án dân sự, hoà giải, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự và quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử 7.4. Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc và thủ tục tiến hành phiên toà sơ thẩm; những việc tiến hành sau phiên toà	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 31-33	*Vấn đề 8:* **Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại toà án cấp phúc thẩm** 8.1. Khái niệm và ý nghĩa	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	phúc thẩm dân sự 8.2 Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm 8.3. Xét xử phúc thẩm vụ án dân sự		
Tiết 34-36	***Vấn đề 9:* Thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của toà án đã có hiệu lực pháp luật** 9.1. Khái niệm, ý nghĩa của giám đốc thẩm; kháng nghị và thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của toà án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm 9.2. Khái niệm, ý nghĩa của tái thẩm; kháng nghị và thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của toà án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục tái thẩm	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 37-39	***Vấn đề 10:* Thủ tục giải quyết việc dân sự** 10.1. Những quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự 10.2. Thủ tục giải quyết việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm 10.3. Thủ tục phúc thẩm quyết định giải quyết việc dân sự	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 40-45	**Ôn tập kết thúc môn**	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ
ThS. Nguyễn Chí Dũng	ThS. Thân Thị Kim Nga

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Thương mại 1

Mã học phần: 0101001426

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 25	T 5	P 0	O 15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Luật Dân sự 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: □

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Xác định được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật doanh nghiệp, xác định được tính đặc thù của phương pháp điều chỉnh của luật doanh nghiệp; hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật doanh nghiệp.

M2: Nêu và phân tích được các đặc điểm pháp lý của các loại thương nhân, bao gồm: CTCP, công ty TNHH, công ty hợp danh, DNTN, nhóm công ty, tập đoàn kinh tế;

M3: Nhận diện được từng loại hình doanh nghiệp, phân biệt và đánh giá được ưu điểm, hạn chế của từng loại; Xác định được quy định về thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lý về thành viên đầu tư thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp;

M4: Nêu và phân tích được quy định pháp luật về vốn của các loại hình doanh nghiệp; quy định về cơ cấu tổ chức, quản lý doanh nghiệp (quản trị doanh nghiệp); Xác định được được những nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, phân tích được một số rào cản quyền tự do kinh doanh trong pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng.

M5: Xác định được mục đích, các hình thức và cách thức tổ chức lại doanh nghiệp; Xác định được bản chất, điều kiện của việc chấm dứt hoạt động doanh nghiệp thông qua giải thể và phá sản;

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật doanh nghiệp;

M7: Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;

M8: Vận dụng kiến thức về doanh nghiệp để có thể tư vấn lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp yêu cầu, khả năng của chủ đầu tư; giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp;

M9: Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

- Kỹ năng mềm

M10: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M11: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm.

M12: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M13: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; và phát triển kỹ năng lập luận, hùng biện của người học;

M14: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra

hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình.

3.4. Về thái độ.

M15: Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

M16: Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường;

M17: Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm lợi ích của thương nhân, chủ nợ của thương nhân, của người lao động và của Nhà nước.

M18: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP		Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101006760 3	Luật Thương mại 1	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
		0	0	2	3	0	3	2	2	2	0
		PO11	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	**CO1**	Nêu và phân tích được các đặc điểm pháp lý của các loại thương nhân; Nhận diện được từng loại hình doanh nghiệp, phân biệt và đánh giá được ưu điểm, hạn chế của từng loại; Xác định được quy định về thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lý về thành viên đầu tư thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp;	**PO4**
Kỹ năng			

MT6	**CO2**	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật doanh nghiệp;	**PO6**
MT7	**CO3**	Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;	**PO7**
MT8	**CO4**	Vận dụng kiến thức về doanh nghiệp để có thể tư vấn lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp yêu cầu, khả năng của chủ đầu tư; giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp;	**PO8**
MT9	**CO5**	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	**PO9,11,12**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 **MT12** **MT13** **MT14**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	**PO15, PO16, PO17, PO18**
MT15	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần luật thương mại 1 trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, khái niệm luật doanh nghiệp; khái niệm đặc điểm pháp lý của các loại hình chủ thể kinh doanh;

Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về thành lập các chủ thể kinh doanh; cơ cấu tổ chức, quản trị doanh nghiệp, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng	CO1, CO2,	10

thúc HP		viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2015), *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM

2. Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Văn Đại, Nguyễn Văn Tiến (2010), Tuyển tập các bản án quyết định của tòa án Việt Nam về tố tụng dân sự, Nxb lao động, TP. HCM.

2. Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung (2018), *Giáo trình luật thương mại tập 1*, Nxb. Tư pháp.

3. Trương Nhật Quang (2016), *Pháp luật về doanh nghiệp – các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb Dân Trí, Tp HCM

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-6	**Vấn đề 1:** - Giới thiệu đề cương môn học, - Chia nhóm sinh viên, cử nhóm trưởng; - Giới thiệu các vấn đề cơ bản về thương nhân và doanh nghiệp. Cụ thể: 1.1. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh luật doanh nghiệp 1.2. Khái niệm luật doanh nghiệp 1.4.Quan hệ pháp luật doanh nghiệp 1.5. Nguồn của luật doanh nghiệp	1,2	CO1,CO7
Tiết 7-9	**Vấn đề 2: Doanh nghiệp tư nhân** - Giới thiệu khái niệm DNTN; - Giới thiệu đặc điểm của DNTN với tính chất là doanh nghiệp một chủ sở hữu; - Giới thiệu các quy định về quyền của chủ DNTN;	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6 ,CO7

	- Tình huống. - Giải quyết tình huống liên quan đến DNTN.		
Tiết 10-15	***Vấn đề 3.*** **Công ty hợp danh** - Giới thiệu khái niệm và đặc điểm về công ty HD; - Giới thiệu về quy chế thành viên trong công ty HD; - Trách nhiệm của chủ DNTN và thành viên hợp danh; - Những đặc trưng của thành viên hợp danh trong công ty hợp danh; - So sánh DNTN và công ty hợp danh; - Tình huống. - Quan niệm về tư cách pháp nhân của công ty hd; - Trách nhiệm tài sản của thành viên công ty HD.	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7
Tiết 16 – 24	***Vấn đề 4:*** **Công ty trách nhiệm hữu hạn** - Giới thiệu khái niệm, đặc điểm của công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty TNHH 1 thành viên; - Giới thiệu về vốn của công ty TNHH; - Giới thiệu về việc chuyển nhượng và mua lại vốn của các thành viên công ty TNHH - Giải quyết tình huống liên quan đến bản chất pháp lý của công ty TNHH.	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7
Tiết 25-30	***Vấn đề 5*****: Công ty cổ phần** - Giới thiệu khái niệm, đặc điểm pháp lý của CTCP; - Giới thiệu các các vấn đề lý luận và quy định pháp luật về vốn của CTCP, bao gồm: + Các loại cổ phần, cổ phiếu; + Tài sản góp vốn và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn. - Quy chế pháp lý về cổ đông trong công ty cổ phần. Mua lại, chuyển nhượng vốn của công ty CP;	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7

	- Bình luận về ưu thế của CTCP so với các loại hình công ty khác; - Giải quyết tình huống liên quan đến bản chất pháp lý của CTCP.		
Tiết 31-33	***Vấn đề 6:*** **Doanh nghiệp nhà nước** Khái niệm, đặc điểm và các loại doanh nghiệp có vốn nhà nước; - Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước; - Vấn đề chuyển đổi và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. - Thảo luận đặc điểm và phân loại doanh nghiệp có vốn nhà nước; - Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước;	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7
Tiết 34-36	***Vấn đề 7.*** **Một số vấn đề pháp lý về nhóm công ty** - Khái niệm và đặc điểm pháp lý về nhóm công ty - Các hình thức nhóm công ty - Một số vấn đề pháp lý về công ty mẹ, công ty con - Một số vấn đề pháp lý về tập đoàn kinh tế	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7
Tiết 37-39	***Vấn đề 8*****: Quy chế pháp lý về thành lập doanh nghiệp** - Giới thiệu đối tượng có quyền thành lập doanh nghiệp. - Giới thiệu điều kiện thành lập doanh nghiệp: ngành nghề cấm kinh doanh, ngành nghề tự do kinh doanh, ngành nghề kinh doanh có điều kiện. - Giới thiệu thủ tục ĐKKD doanh nghiệp; - Tình huống về đăng kí doanh nghiệp; -Tình huống về quyền và nghĩa vụ của thành viên công	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7

	ty.		
Tiết 40-45	***Vấn đề 9.* Quy chế pháp lý về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp** - Giới thiệu các trường hợp giải thể doanh nghiệp; - Thủ tục giải thể doanh nghiệp; - Điều kiện giải thể. **ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN**	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	**BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ**
ThS. Nguyễn Chí Dũng	**ThS. Thân Thị Kim Nga**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Thương mại 2

Mã học phần: 0101000705

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 25	T 5	P 0	O 15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Luật Thương mại 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: □

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức.

M1: Nêu và phân tích được các đặc trưng pháp lý của các hoạt động mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, đấu thầu, đấu giá, dịch vụ logistics và một số hoạt động thương mại khác;

M2: Nêu và phân tích được các đặc trưng pháp lý của các hoạt động thương mại khác;

M3: Xác định được quy định về quyền và nghĩa cơ bản của thương nhân khi tiến hành các hoạt động thương mại nói trên;

M4: Xác định được quy định cơ bản về hình thức và nguyên tắc áp dụng chế tài trong thương mại;

M5: Xác định được tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp

thương mại trong nền kinh tế thị trường;

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật thương mại.

M7: Thành thạo một số kĩ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;

M8: Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại; Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại;

M9: Có kĩ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

- Kỹ năng mềm

M10: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M11: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

M12: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M13: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; và phát triển kỹ năng lập luận, hùng biện của người học;

M14: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình.

3.4. Về thái độ.

M15: Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

M16: Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do hợp đồng, quyền tự do hoạt động thương mại của tổ chức, cá nhân;

M17: Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm lợi ích của thương nhân, chủ nợ của thương nhân, của người lao động và của Nhà nước.

M18: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:
0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP		Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000676 03	Luật thương mại 2	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	0	2	3	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	P019	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 **MT2** **MT3** **MT4** **MT5**	**CO1**	Nêu và phân tích được các đặc trưng pháp lý của các hoạt động thương mại; hoạt động thương mại khác. Xác định được quy định về quyền và nghĩa cơ bản của thương nhân khi tiến hành các hoạt động thương mại nói trên; Xác định được quy định cơ bản về hình thức và nguyên tắc áp dụng chế tài trong thương mại; Xác định được tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại trong nền kinh tế thị trường;	**PO4**
Kỹ năng			
MT6	**CO2**	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật thương mại;	**PO6**
MT7	**CO3**	Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn;	**PO7**
MT8	**CO4**	Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại; Vận	**PO8**

		dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại;	
MT9	**CO5**	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	**PO9,11,12**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 **MT12** **MT13** **MT14**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	**PO15, PO16, PO17, PO18**
MT15	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần luật thương mại 2 trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật thương mại;

Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về hoạt động thương mại; hợp đồng thương mại; chế tài trong hoạt động thương mại; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	**Mục đích**	**CĐR của HP đạt được**
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**

Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2020), *Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM

2. Luật Thương mại 2005 (sửa đổi bổ sung 2019) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

10.2. Tài liệu tham khảo

1 Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung (2022), *Giáo trình luật thương mại Việt Nam Tập II*, Nxb. Tư pháp.

2. Lê Minh Hùng (2015), Thời điểm giao kết hợp đồng, Nxb Hồng Đức, Tp HCM.

3. Lê Minh Hùng (2015), Hình thức của hợp đồng, Nxb Hồng Đức, Tp HCM.

4. Lê Minh Hùng (2015), Hiệu lực của hợp đồng, Nxb Hồng Đức, Tp HCM.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-6	1.1. Khái quát về mua bán hàng hoá 1.1.1. Khái niệm mua bán hàng hoá 1.1.2. Nguồn luật điều chỉnh các quan hệ mua bán hàng hoá 1.2. Hợp đồng mua bán hàng hoá trong thương mại 1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hoá 1.2.2. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hoá 1.2.3. Giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá 1.2.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hoá 1.2.5. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá 1.2.6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hoá	1,2	CO1,CO7
Tiết 7-9	**Chương 2: Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại** 2.1. Khái niệm, đặc điểm của dịch vụ 2.2. Khái niệm, đặc điểm của cung ứng dịch vụ thương mại 2.3. Các dịch vụ thương mại theo Luật thương mại năm 2005 2.4. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng cung ứng dịch vụ thương mại 2.4.1. Quyền và nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ thương mại	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	2.4.2. Quyền và nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ thương mại		
Tiết 10-12	**Chương 3. Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại** 3.1. Đại diện cho thương nhân 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm 3.1.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại diện cho thương nhân 3.1.3. Chấm dứt hợp đồng đại diện cho thương nhân 3.2. Môi giới thương mại 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm 3.2.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ môi giới thương mại	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 13-15	**Chương 4: Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lí thương mại** 4.1. Uỷ thác mua bán hàng hoá 4.1.1. Khái niệm, đặc điểm 4.1.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ uỷ thác mua bán hàng hoá 4.2. Đại lí thương mại 4.2.1. Khái niệm, đặc điểm 4.2.2. Các hình thức đại lí 4.2.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại lí 4.2.4. Chấm dứt hợp đồng đại lí	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 16-18	**Chương 5: Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại** 5.1. Khuyến mại 5.1.1. Khái niệm, đặc điểm 5.1.2. Các hình thức khuyến mại và hạn mức khuyến mại 5.1.3. Thủ tục thực hiện khuyến mại	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	5.1.4. Các hoạt động khuyến mại bị cấm thực hiện 5.2. Quảng cáo thương mại 5.2.1. Khái niệm, đặc điểm 5.2.2. Nội dung và phương tiện quảng cáo thương mại 5.2.3. Các chủ thể tham gia vào quá trình quảng cáo 5.2.4. Thủ tục thực hiện quảng cáo thương mại 5.2.5. Các hoạt động quảng cáo thương mại bị cấm thực hiện		
Tiết 19-21	**Chương 6: Pháp luật về dịch vụ logistics** 6.1. Khái niệm và đặc điểm của dịch vụ logistics 6.2. Chuỗi dịch vụ logistics 6.3. Hợp đồng dịch vụ logistics 6.4. Điều kiện để kinh doanh dịch vụ logistics và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics.	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 22-28	**Chương 7. Pháp luật về đấu giá hàng hoá** 7.1. Khái niệm và đặc điểm của đấu giá hàng hoá 7.2. Các hình thức đấu giá hàng hoá 7.3. Chủ thể tham gia vào quan hệ đấu giá hàng hoá 7.4. Nguyên tắc cơ bản trong đấu giá hàng hoá 7.5. Thủ tục và trình tự đấu giá hàng hoá	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 29-34	**Chương 8: Pháp luật về đấu thầu hàng hoá, dịch vụ** 8.1. Khái niệm và đặc điểm của đấu thầu	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	hàng hoá, dịch vụ 8.2. Phân loại đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 8.3. Nguyên tắc cơ bản trong đấu thầu hàng hoá, dịch vụ 8.4. Thủ tục và trình tự đấu thầu hàng hoá, dịch vụ		
Tiết 35-40	**Chương 9. Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác** 9.1. Gia công trong thương mại 9.2. Cho thuê hàng hoá 9.3. Dịch vụ giám định	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 41-45	**Chương 10. Chế tài thương mại** 10.1. Khái niệm chế tài thương mại 10.2. Căn cứ áp dụng chế tài thương mại 10.3. Các hình thức chế tài thương mại 10.4. Miễn trách nhiệm **ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN**	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	**BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ**
ThS. Nguyễn Chí Dũng	**ThS. Thân Thị Kim Nga**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật lao động

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000693

Số tín chỉ: **03**

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 25	T 5	P 0	O 15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật dân sự

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: □

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về pháp luật lao động như khái niệm lao động, quan hệ lao động, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật lao động; các nguyên tắc cơ bản và hệ thống ngành luật lao động;

M2: Xác định được các quy định về vai trò của nhà nước, của công đoàn trong lĩnh vực lao động;

M3: Xác định được các quy định về việc làm và học nghề ở Việt Nam hiện nay;

M4: Nêu và phân tích được các đặc trưng cơ bản của hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể;

M5: Xác định được các quy định về quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động;

M6: Phân tích được các quy định về nguồn gốc, bản chất của quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động.

M7: Xác định được các quy định về kỷ luật lao động và bồi thường thiệt hại vật chất;

M8: Xác định được các quy định về chế độ tiền lương hiện hành;

M9: Phân tích được quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động trong lĩnh vực trả lương;

M10: Xác định được các quy định pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi;

M11: Nêu và phân tích được nội dung chế độ pháp lý về bảo hộ lao động;

M12: Xác định và phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của các hình thức giải quyết tranh chấp lao động như: thương lượng, hòa giải, trọng tài lao động, giải quyết tranh chấp lao động tại tòa án;

M12: Nêu và phân tích được quy định pháp luật về giải quyết đình công ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M13: Có khả năng vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực lao động;

M14: Có kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá các vấn đề pháp luật lao động;

M15: Soạn thảo các văn bản thông dụng trong lĩnh vực lao động như: hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động...;

M16: Tham gia giải quyết các vụ việc thông thường trong lĩnh vực lao động;

M17: Tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách - pháp luật lao động.

- Kỹ năng mềm

M18: Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng.

M19: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

M20: Hình thành kỹ năng đánh giá chất lượng công việc của từng thành viên trong nhóm.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M21: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M22: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

M23: Chấp hành đúng pháp luật lao động;

M24: Có nhận thức, xử sự đúng đắn khi tham gia quan hệ lao động;

M25: Tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật lao động khi thực hiện các công việc chuyên môn.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000693	Luật lao động	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		1	0	0	3	0	1	2	1	2	1
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	P019	
		1	1	0	0	0	2	2	2	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 **MT2** **MT3** **MT4** **MT5** **MT6** **MT7** **MT8** **MT9** **MT10** **MT11** **MT12**	**CO1**	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối ngành về lao động. Trang bị các kiến thức về quan hệ xã hội thuộc luật lao động điều chỉnh; quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động; những nội dung liên quan đến quan hệ học nghề; quan hệ việc làm; những quy định liên quan đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể; quy định về thử việc, giao kết, thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động; các quy định về thời giờ làm việc thời giờ nghỉ ngơi; những nội dung liên quan đến tiền lương của người lao động.	**PO1,PO4**
Kỹ năng			
MT13 **MT14** **MT15**	**CO2**	Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật về lao động	**PO6**
MT16 **MT17**	**CO3**	Có khả năng phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật lao động và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó. Có khả năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng; bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật về lao động, soạn thư tư vấn và các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc ngành đào tạo.	**PO7, PO8**

MT18	**CO4**	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.	**PO9**
MT19 **MT20**	**CO5**	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	**PO11, PO12**
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT21 **MT22**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	**PO15**
MT23 **MT24** **MT25**	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	**PO17, PO18, PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Trang bị các kiến thức về quan hệ xã hội thuộc luật lao động điều chỉnh; quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động. Những nội dung liên quan đến quan hệ học nghề; quan hệ việc làm; những quy định liên quan đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể; quy định về thử việc, giao kết, thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động; các quy định về thời giờ làm việc thời giờ nghỉ ngơi; những nội dung liên quan đến tiền lương của người lao động.

Học phần trang bị kiến thức pháp luật lao động cho sinh viên về nội quy lao động, xử lý kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; quy định về an toàn, vệ sinh lao động về các khái niệm, các biện pháp phòng hộ bảo vệ người lao động chống lại rủi ro và tìm hiểu về trách nhiệm của người sử dụng lao động khi tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp xảy ra.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	**Mục đích**	**CĐR của HP đạt được**
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ,	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**

	tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	**Trọng số (%)**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR của HP**	**Điểm tối đa**
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Hữu Chí, Trần Thị Thúy Lâm (chủ biên), *Giáo trình luật lao động Việt Nam Tập I*, Nxb. Công an nhân dân (2021).

2. Nguyễn Hữu Chí, *Giáo trình luật lao động Việt Nam Tập II*, Nxb. Công an nhân dân (2021).

3. Bộ luật lao động Việt Nam năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Thúy Lâm, Đỗ Thị Dung, *Bình luận những điểm mới của bộ luật lao động năm 2019*, Nxb. Lao động 2021.

2. Trần Đăng Khoa, *Sách chuyên khảo - Người lao động và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp: Nghiên cứu các công ty tại Việt Nam,* Nxb.Kinh tế TP HCM (2017).

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-3	**Vấn đề 1: Khái quát về luật lao động Việt Nam** 1.1. Phạm vi điều chỉnh của luật lao động 1.2. Những nguyên tắc cơ bản của luật lao động 1.3. Hệ thống ngành luật lao động	1,2	CO1,CO7
Tiết 4-6	**Vấn đề 2: Các quan hệ pháp luật lao động** 2.1. Quan hệ pháp luật giữa NLĐ và NSDLĐ 2.2. Quan hệ pháp luật lao động tập thể 2.3. Các quan hệ pháp luật lao động khác	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

Tiết 7-9	**Vấn đề 3: Công đoàn và vấn đề đại diện tập thể lao động** 3.1. Khái niệm và các hình thức đại diện tập thể lao động 3.2. Công đoàn - tổ chức đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLĐ	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 10-12	**Vấn đề 4: Việc làm** 4.1. Việc làm và tầm quan trọng của việc làm đối với đời sống xã hội 4.2. Khái quát về sự phát triển về việc làm và giải quyết việc làm trước khi có BLLĐ 4.3. Việc làm và giải quyết việc làm theo pháp luật hiện hành	1,2,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 13-15	**Vấn đề 5: Học nghề** 5.1. Khái niệm chung về học nghề 5.2. Phân loại học nghề 5.3. Lược sử hình thành và phát triển của chế định học nghề trong luật lao động Việt Nam 5.4. Hợp đồng học nghề	1,2,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	5.5. Vấn đề học nghề trong một số trường hợp cụ thể		
Tiết 16-20	**Vấn đề 6: Hợp đồng lao động** 6.1. Khái niệm và đặc trưng của HĐLĐ 6.2. Các yếu tố của HĐLĐ 6.3. Quá trình xác lập, duy trì và chấm dứt HĐLĐ	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 21-23	**Vấn đề 7: Đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể** 7.1. Khái niệm, hình thức đối thoại tại nơi làm việc 7.2. Khái niệm, chủ thể, nội dung, quy trình thương lượng tập thể 7.3. Khái niệm, bản chất, vai trò và các loại thoả ước lao động tập thể 7.4. Sơ lược lịch sử phát triển pháp luật về thoả ước lao động tập thể giai đoạn trước khi có BLLĐ 7.5. Quy định của pháp luật hiện hành về thoả ước lao động tập thể	1,2,3,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

Tiết 24-26	**Vấn đề 8: Quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động** 8.1. Khái niệm, nguồn gốc và bản chất của quyền quản lý lao động của NSDLĐ 8.2. Quy định về kỷ luật lao động và bồi thường thiệt hại vật chất	1,2,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 27-29	**Vấn đề 9: Tiền lương** 9.1. Một số vấn đề chung về tiền lương 9.2. Nội dung chế độ tiền lương hiện hành 9.3. Quyền và nghĩa vụ của NSDLĐ và NLĐ trong lĩnh vực trả lương	1,2,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 30-32	**Vấn đề 10: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi** 10.1. Khái quát về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 10.2. Các quy định pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ	1,2,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	ngơi		
Tiết 33-35	**Vấn đề 11: Bảo hộ lao động** 11.1. Những vấn đề chung về bảo hộ lao động 11.2. Những nguyên tắc cơ bản của pháp luật bảo hộ lao động 13.3. Nội dung chế độ bảo hộ lao động	1,2,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 36-40	**Vấn đề 12: Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động** 12.1. Những vấn đề chung về tranh chấp lao động 12.2. Thương lượng và hoà giải tranh chấp lao động 12.3. Trọng tài lao động 12.4. Giải quyết tranh chấp lao động tại tòa án nhân dân		CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 41-43	**Vấn đề 13: Đình công và giải quyết đình**	1,2,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6

	công 13.1. Đình công 13.2. Giải quyết đình công		CO7
Tiết 44-45	**Ôn tập kết thúc môn**		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	**BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ**
ThS. Nguyễn Chí Dũng	**ThS. Thân Thị Kim Nga**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Tài chính 1

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 0101001737

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 15	T 5	P 0	O 10	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑ Tiếng Anh: ☐

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Xác định được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật tài chính, xác định được tính đặc thù của phương pháp điều chỉnh của luật tài chính, hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật tài chính;

M2: Người học có kiến thức về xác lập nguồn tài chính, sử dụng nguồn tài chính và quản lý nguồn tài chính của Nhà nước;

M3: Mô tả được quá trình lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, xác định được thẩm quyền cũng như trình tự thủ tục thi hành của quá trình ngân sách nhà nước nêu trên;

M4: Khả năng vận dụng kiến thức về tài chính công trong công việc như tham gia xây dựng, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước, thực hiện việc quản lý thuế chấp hành pháp luật thuế;

M5: Có khả năng đưa ra được quan điểm để đánh giá, bình luận các quy định pháp luật hiện hành, từ đó tham gia xây dựng chính sách và pháp luật về tài chính công.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến quá trình lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, về phân cấp và quản lý quỹ ngân sách nhà nước.

M7: Có khả năng vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.

M8: Kỹ năng tranh luận, hùng biện; kỹ năng làm việc nhóm.

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	**Tên HP**		**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**								
	Luật	**PO1**	**PO2**	**PO3**	**PO4**	**PO5**	**PO6**	**PO7**	**PO8**	**PO9**	**PO10**
	Tài	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
	chính	**PO11**	**PO12**	**PO13**	**PO14**	**PO15**	**PO16**	**PO17**	**PO18**	**P019**	
	1	2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	**CĐR của HP**	**Nội dung CĐR của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức			
MT1 **MT2** **MT3** **MT4** **MT5**	**CO1**	Xác định được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật tài chính, xác định được tính đặc thù của phương pháp điều chỉnh của luật tài chính, hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật tài chính	**PO3**
Kỹ năng			
MT6	**CO2**	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh tài chính ngân sách	**PO6**
MT7	**CO3**	Có khả năng vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.	**PO7**
MT8	**CO4**	Kỹ năng tranh luận, hùng biện; kỹ năng làm việc nhóm.	**PO8**
MT9	**CO5**	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan	**PO9,11,12**

MT10		điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 **MT12** **MT13** **MT14**	**CO6**	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	**PO15, PO16, PO17, PO18**
MT15	**CO7**	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	**PO19**

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần luật Tài chính 1 trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về quá trình ngân sách nhà nước; trình tự thủ tục, thẩm quyền lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về hoạt động quản lý quỹ ngân sách nhà nước.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	**Mục đích**	**CĐR của HP đạt được**
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	**CO1**
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7**

	nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	**CO3,CO4,CO5,CO6**
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	**CO2, CO3, CO4, CO5, CO6**
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri trức của bản thân.	**CO5, CO7**

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	**Trọng số (%)**	**Tiêu chí đánh giá**	**CĐR của HP**	**Điểm tối đa**
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10

Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Hà Nội (2014,2019), *Giáo trình luật ngân sách nhà nước*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội

2. Luật Ngân sách nhà nước năm 2015

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp năm 2013
2. Nguyễn Thị Thùy, *Giáo Trình Luật Thuế (Tái Bản Có Bổ Sung)*, Nxb Hồng Đức - Hội Luật Gia Việt Nam-2017.
3. Phan Hiển Minh (2009), *Giáo Trình Thuế (nghiệp vụ và bài tập)*, Nxb Thống kê.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-3	**Chương 1. Những vấn đề lí luận về NSNN và pháp luật NSNN** 1.1. Những vấn đề lí luận về NSNN 1.2. Tổng quan về luật ngân sách	1,2	CO1,CO7
Tiết 4-6	**Chương 2. Pháp luật về tổ chức NSNN** 2.1. Tổ chức hệ thống NSNN 2.2. Chế độ phân cấp quản lí NSNN	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 7-15	**Chương 3. Pháp luật về quá trình NSNN**	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	3.1. Chế độ lập dự toán NSNN 3.2. Chế độ chấp hành dự toán NSNN 3.3. Chế độ quyết toán NSNN		
Tiết 16–21	**Chương 4. Pháp luật về thu NSNN** 4.1. Khái niệm và phân loại thu NSNN 4.2. Chế độ thu thuế, lệ phí và phí 4.3. Chế độ thu ngân sách từ vay nợ, viện trợ và các khoản thu khác	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 22-24	**Chương 5. Pháp luật về chi NSNN** 5.1. Khái niệm và phân loại chi NSNN 5.2. Chế độ chi thường xuyên 5.3. Chế độ chi ngân sách cho đầu tư phát triển.	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 25-27	**Chương 6. Pháp luật về quản lí quỹ NSNN** 6.1. Khái niệm quỹ NSNN và quản lí quỹ NSNN 6.2. Pháp luật về quản lí quỹ NSNN	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 28-30	**Ôn tập**	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).

- Giảng viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT	BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ
ThS. Nguyễn Chí Dũng	ThS. Thân Thị Kim Nga